Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 23.10.2026 15:10:33 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:29 /2026/VBHN-TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích

Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung, đính chính bởi:

Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đính chính Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.[1]

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về lập dự toán, quy trình, trình tự thực hiện, biểu mẫu sử dụng trong hoạt động viễn thông công ích được quy định tại khoản 7 Điều 7, khoản 7 Điều 8, khoản 4 Điều 9, khoản 8 Điều 10, khoản 8 Điều 11, khoản 7 Điều 12, điểm b khoản 3 Điều 13, khoản 7 Điều 15, khoản 6 Điều 16, khoản 8 Điều 19, khoản 6 Điều 23, khoản 5 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 31, điểm b khoản 4 Điều 32 và khoản 6 Điều 33 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích (sau đây viết tắt là Nghị định số 295/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương.

2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

3. Các doanh nghiệp viễn thông.

4. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông công ích tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có đề xuất dự toán bằng văn bản và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích với Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

---

[1] Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ".

2. Cơ quan chuyên môn là cơ quan nhà nước tại địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập và hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định.

3. Nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập là việc doanh nghiệp viễn thông đầu tư để bảo đảm yêu cầu về phổ cập dịch vụ, phù hợp với thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LẬP DỰ TOÁN, QUY TRÌNH, BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 4. Lập dự toán, quy trình thực hiện và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo phương thức đặt hàng

1. Việc lập dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, quy trình đặt hàng thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được lập cho từng doanh nghiệp tương ứng phù hợp với hướng dẫn thực hiện chương trình theo từng thời kỳ.

2. Căn cứ lập dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Báo cáo đề xuất của doanh nghiệp về cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập; trong đó bao gồm: Danh sách địa bàn, khu vực cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, dự kiến kinh phí của từng hạng mục công trình phù hợp với thiết kế tiêu chuẩn do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, thuyết minh dự toán. Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu báo cáo;

d) Thời gian thực hiện: Thuyết minh rõ thời gian thực hiện theo từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với kế hoạch thực hiện chương trình.

3. Nội dung dự toán đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP trong trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

a) Các khoản chi phí cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Doanh thu phát sinh do doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư này;

c) Dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho cả thời kỳ chương trình và được chia ra hằng năm, làm căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định.

4. Nội dung dự toán đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP trong trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

a) Các khoản chi phí cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Doanh thu phát sinh do doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư này;

c)[2] Dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho cả thời kỳ chương trình và được chia ra hằng năm, làm căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định;

d) Quá trình thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, trường hợp Nhà nước điều chỉnh, bổ sung khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông, căn cứ tình hình thực tế, doanh nghiệp đề xuất, bổ sung kế hoạch, dự toán đề nghị hỗ trợ cung cấp dịch vụ trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định sửa đổi, bổ sung khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

5. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành các định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, dự toán kinh phí đặt hàng được tạm tính trên cơ sở báo cáo, đề xuất của doanh nghiệp viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Trong trường hợp này doanh nghiệp viễn thông chưa được tạm ứng kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định. Trong thời hạn 05

[2] Điểm này được đính chính theo quy định tại STT 1 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành các định mức chi phí, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có trách nhiệm điều chỉnh dự toán đặt hàng và phối hợp với doanh nghiệp được đặt hàng điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp trước khi tạm ứng kinh phí cho doanh nghiệp.

6. Việc thực hiện quy trình đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Thực hiện khảo sát, lập phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

Căn cứ hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức lập, phê duyệt phương án khảo sát gửi các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc đối tượng khảo sát; nội dung khảo sát bảo đảm các thông tin theo quy định điểm b khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 20 ngày làm việc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện khảo sát và hoàn thành việc khảo sát để lập phương án đặt hàng.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, trong thời gian 10 ngày làm việc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoàn thành việc lập, phê duyệt phương án đặt hàng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Việc lập phương án đặt hàng của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được thực hiện đối với từng doanh nghiệp được hỗ trợ.

b) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ban hành quyết định phê duyệt phương án đặt hàng và thông báo cho doanh nghiệp được đặt hàng biết;

c)[3] Căn cứ Thông báo phương án đặt hàng của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam quy định tại điểm b khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo phương án đặt hàng, doanh nghiệp được đặt hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký đặt hàng quy định tại khoản 7 Điều này tới Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

d) Hồ sơ năng lực của doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

đ) Việc thương thảo hợp đồng, phê duyệt quyết định đặt hàng, ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

e) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng theo quy định tại điểm k khoản 6 Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Nội dung công khai bao gồm: Tên doanh nghiệp được đặt hàng; danh mục công trình viễn thông tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; thời gian được hỗ trợ; kinh phí được Nhà nước hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với từng loại dịch vụ.

7. Thành phần hồ sơ đăng ký đặt hàng, bao gồm:

Văn bản đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp viễn thông.

8. Biểu mẫu hồ sơ đặt hàng và biểu mẫu sử dụng trong đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng theo Mẫu số 01;

b) Văn bản đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02;

c)[4] Văn bản mời doanh nghiệp thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 03;

d) Biên bản thương thảo hợp đồng theo Mẫu số 04;

đ) Quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 05;

e) Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 06;

g) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 07;

h) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 08;

i) Biên bản thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 09.

Điều 5. Lập dự toán, quy trình thực hiện và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ

1. Việc lập dự toán cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Dự toán cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ được lập cho từng doanh nghiệp tương ứng phù hợp với hướng dẫn thực hiện chương trình theo từng thời kỳ.

---

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

2. Căn cứ lập dự toán cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Văn bản đề xuất dự toán của doanh nghiệp viễn thông được lựa chọn thực hiện nhiệm vụ, trong đó bao gồm: Danh sách địa bàn, khu vực cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, dự kiến kinh phí của từng hạng mục công trình phù hợp với thiết kế tiêu chuẩn từng hạng mục công trình viễn thông và số lượng công trình viễn thông, thuyết minh dự toán (nếu có). Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu báo cáo;

đ) Thời gian thực hiện: Thuyết minh rõ thời gian thực hiện theo từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với kế hoạch thực hiện chương trình.

3. Nội dung dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ:

a) Đối với trường hợp giao nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông hoặc nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông, nội dung dự toán bao gồm các khoản chi phí cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông thực hiện nhiệm vụ phát triển mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông xác định trên cơ sở dự toán dự án đầu tư của doanh nghiệp đã được lập, phê duyệt theo quy định của pháp luật và thời gian trích khấu hao tài sản cố định doanh nghiệp đang áp dụng theo quy định.

Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tài chính doanh nghiệp đang thực hiện; trường hợp pháp luật liên quan có quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển thì áp dụng các quy định này để xác định dự toán chi phí duy trì theo quy định.

Chi phí thuê (nếu có), doanh thu phát sinh theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư này.

b) Đối với trường hợp duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các khu vực do doanh nghiệp đã tự đầu tư cơ sở hạ tầng, dự toán chi phí giao nhiệm vụ được lập trên cơ sở các khoản chi phí thực tế của doanh nghiệp trong năm gần nhất liền kề

với năm lập dự toán và được bổ sung, điều chỉnh các yếu tố biến động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ. Nội dung dự toán bao gồm các khoản chi phí trên cơ sở thực tế của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP; doanh thu phát sinh. Trong đó, chi phí thuê (nếu có) và doanh thu phát sinh được xác định theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này;

c) Dự toán giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp được chia ra hằng năm, làm căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định.

4. Đối với nhiệm vụ phát triển mới, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập và có quy định áp dụng đối với khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển thực hiện một trong hai phương thức sau:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Thực hiện đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP trong trường hợp khu vực này chỉ có một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn và doanh nghiệp đề nghị được thực hiện đặt hàng.

5. Việc thực hiện quy trình giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông gửi văn bản đề nghị giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và doanh nghiệp viễn thông được đề xuất giao nhiệm vụ. Nội dung đề xuất cần nêu rõ các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Căn cứ văn bản đề nghị giao nhiệm vụ tại điểm a khoản 5 Điều này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông được đề xuất giao nhiệm vụ và cơ quan liên quan rà soát, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ. Kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được lập, phê duyệt theo từng nhiệm vụ hoặc nhiều nhiệm vụ; từng doanh nghiệp hoặc nhiều doanh nghiệp, trong đó cần làm rõ thông tin về mục tiêu, địa bàn, khu vực hỗ trợ; thời gian dự kiến;

c) Doanh nghiệp đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp viễn thông

được mở công khai theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP khi có đại diện của các doanh nghiệp đã gửi hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp doanh nghiệp đã đăng ký nhiệm vụ không cử đại diện đến tham dự thì việc mở hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ của các doanh nghiệp vẫn được tiến hành với sự có mặt của các bên liên quan và được lập thành biên bản gửi tới các thành viên tham gia ký biên bản và doanh nghiệp đăng ký thực hiện nhiệm vụ nhưng không cử đại diện đến tham dự;

d) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam rà soát, đề xuất doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định lựa chọn doanh nghiệp viễn thông có khả năng thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời gian 10 ngày làm việc, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn, quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông và có văn bản thông báo tên doanh nghiệp được lựa chọn để giao nhiệm vụ, văn bản thông báo này được gửi qua đường bưu chính, trực tuyến hoặc trực tiếp tới doanh nghiệp.

6. Thành phần hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp viễn thông.

7. Biểu mẫu sử dụng trong giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho doanh nghiệp theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 10;

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 11;

c) Văn bản thông báo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 12;

d) Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 13;

đ) Quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 14;

e) Văn bản đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 15;

g) Biên bản thương thảo hợp đồng theo Mẫu số 04;

h) Quyết định phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 16;

i) Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 06;

k) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 07;

l) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 08;

m) Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 09.

Điều 6. Xác định chi phí thuê trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Doanh nghiệp đề nghị Nhà nước hỗ trợ bù đắp chi phí thuê trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải báo cáo cụ thể từng hoạt động thuê, chi phí thuê và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Việc xác định chi phí thuê khi thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí thuê ngoài hoạt động thuê quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ có chi phí thuê, doanh nghiệp phải báo cáo, thuyết minh cụ thể danh mục đơn vị cho thuê, hợp đồng thuê, giá thuê, chi phí thuê và phân bổ chi phí thuê cho hoạt động viễn thông công ích.

3. Biểu mẫu xác định chi phí thuê theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Báo cáo chi phí thuê cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 01;

b) Báo cáo chi phí thuê cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đề nghị nghiệm thu theo Mẫu số 02.

Điều 7. Xác định doanh thu phát sinh

1. Doanh nghiệp có doanh thu phát sinh là các khoản doanh thu theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP đề nghị được Nhà nước hỗ trợ bù đắp chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ phải báo cáo đầy đủ các khoản doanh thu phát sinh được ghi nhận theo pháp luật kế toán; tổ chức theo dõi riêng đối với địa bàn, khu vực mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; việc xác định doanh thu phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Doanh

nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo theo quy định của pháp luật kế toán và pháp luật về quản lý thuế, trong đó:

a) Trường hợp thực hiện theo phương thức đấu thầu, doanh thu phát sinh được xác định theo kết quả đấu thầu, trên cơ sở giá trúng thầu đã khấu trừ doanh thu phát sinh dự kiến. Trong hồ sơ mời thầu/dự toán gói thầu, cần dự kiến doanh thu phát sinh để tính giá hợp đồng;

b) Trường hợp đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ, doanh thu phát sinh bao gồm các khoản theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Doanh thu phát sinh để tính bù đắp chi phí là các khoản doanh thu viễn thông quy định tại Điều 10 của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông.

3. Việc xác định các khoản doanh thu phát sinh dựa trên hợp đồng cung cấp dịch vụ và hóa đơn thực tế của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ hợp đồng và hóa đơn để chứng minh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu báo cáo.

4. Doanh nghiệp có trách nhiệm chứng minh các hồ sơ, tài liệu về doanh thu phát sinh, bao gồm:

a) Bảng kê chi tiết lưu lượng và dịch vụ: Báo cáo từ hệ thống tính cước của doanh nghiệp, chi tiết lưu lượng dữ liệu, cuộc gọi, tin nhắn phát sinh trong khu vực công ích (phân tách rõ với lưu lượng thương mại);

b) Hợp đồng và chứng từ liên quan đến cho thuê hạ tầng: Hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông với bên thứ ba. Biên bản bàn giao, nghiệm thu và hóa đơn;

c) Chứng từ mua dịch vụ từ nhà cung cấp khác: Hợp đồng mua lưu lượng/dịch vụ từ nhà cung cấp khác để phục vụ công ích; Hóa đơn mua vào và hóa đơn bán ra (nếu bán lại dịch vụ);

d) Báo cáo phân bổ doanh thu (trong trường hợp đầu tư hạ tầng vượt quy mô): Bảng tính tỷ lệ phân bổ được xác định theo Tổng doanh thu thực tế × (Chi phí Nhà nước hỗ trợ/ Tổng chi phí thực tế); Giải trình chi tiết về phần hạ tầng vượt quy mô (phục vụ thương mại) và phần chỉ phục vụ công ích.

5. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập có chi phí nhiều hơn tổng chi phí tính theo định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của Nhà nước, doanh nghiệp được phân bổ doanh thu phát sinh chi phí do Nhà nước bù đắp và chi phí do doanh nghiệp tự bù đắp. Phần doanh thu phát sinh phân bổ cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được sử dụng để tính trừ vào mức chi hỗ trợ cung cấp dịch vụ theo quy định.

6. Biểu mẫu xác định doanh thu phát sinh theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Báo cáo doanh thu phát sinh cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 01;

b) Báo cáo doanh thu phát sinh cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đề nghị nghiệm thu theo Mẫu số 02.

Điều 8. Xác định thời gian hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và việc bảo đảm tính ổn định, liên tục thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Việc lập dự toán, quyết toán kinh phí bảo đảm tính ổn định, liên tục hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Đối với trường hợp đấu thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP:

Trường hợp thời gian tính đến thời điểm kết thúc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hiện tại doanh nghiệp nhận hỗ trợ chưa đủ 7 năm, kinh phí để hỗ trợ trong thời gian còn lại được bố trí và lập dự toán tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thời kỳ tiếp theo để đảm bảo hỗ trợ đủ thời gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

b) Đối với trường hợp giao nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP:

Trường hợp thời gian tính đến thời điểm kết thúc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hiện tại doanh nghiệp nhận hỗ trợ chưa đủ 7 năm, kinh phí để hỗ trợ trong thời gian còn lại được bố trí và lập dự toán tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thời kỳ tiếp theo để đảm bảo hỗ trợ đủ thời gian quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Mục 2

THỰC HIỆN QUY TRÌNH, BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 9. Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập trong trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ

1. Căn cứ lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ;

b) Nhu cầu của đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định.

2. Trình tự tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Trường hợp doanh nghiệp viễn thông lập và tổng hợp danh sách đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) giao cơ quan chuyên môn cung cấp danh sách các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng, giao nhiệm vụ. Danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm danh sách đối tượng đầu năm và danh sách đối tượng tăng, giảm của địa phương hằng tháng (nếu có) theo quy định hiện hành.

Thời điểm cung cấp danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đầu năm sau cho doanh nghiệp là trước ngày 20 tháng 12 năm trước liền kề.

Việc cung cấp danh sách các thông tin biến động về đối tượng được thực hiện hằng tháng hoặc theo thời điểm xác định kết quả rà soát đối tượng theo quy định của pháp luật liên quan. Thời điểm cung cấp danh sách đối tượng tăng, giảm cho doanh nghiệp là trước ngày 20 hằng tháng.

Doanh nghiệp viễn thông căn cứ danh sách được cung cấp, thực hiện việc tiếp nhận nhu cầu đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập; lập danh sách các đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập gửi cơ quan chuyên môn trước ngày 25 hằng tháng.

Doanh nghiệp viễn thông gửi danh sách đối tượng giảm trong tháng trước liền kề đến cơ quan chuyên môn để theo dõi, đối chiếu cùng thời điểm gửi danh sách các đối tượng đã đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của doanh nghiệp viễn thông, cơ quan chuyên môn hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và gửi danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông để thông báo cho đối tượng sử dụng dịch vụ biết; đồng gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Việc xác nhận đối tượng thực hiện theo nguyên tắc mỗi đối tượng chỉ được đăng ký sử dụng một dịch vụ viễn thông phổ cập và tại một doanh nghiệp viễn thông.

Trường hợp phát hiện đối tượng được hỗ trợ đăng ký nhận hỗ trợ một dịch vụ tại nhiều doanh nghiệp hoặc đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng nhiều dịch vụ viễn thông phổ cập của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thì cơ quan chuyên môn làm việc với các doanh nghiệp liên quan về nhu cầu của đối tượng được hỗ trợ để thống nhất xác định doanh nghiệp mà đối tượng được hỗ trợ, đảm bảo nguyên tắc mỗi đối tượng chỉ được đăng ký sử dụng một dịch vụ viễn thông phổ cập và tại một doanh nghiệp viễn thông.

Thời gian hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho đối tượng được hỗ trợ tính từ tháng được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho đến tháng chấm dứt hỗ trợ.

Doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho các đối tượng sau khi có xác nhận của cơ quan chuyên môn.

Trường hợp sau 02 (hai) tháng kể từ ngày có xác nhận mà doanh nghiệp chưa thực hiện cung cấp dịch vụ thì phải báo cáo cơ quan chuyên môn để đưa ra khỏi danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ đã được xác nhận.

Chấm dứt hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ tháng tiếp theo tháng thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập không còn là đối tượng thụ hưởng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Sau khi nhận được danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm cả danh sách đối tượng tăng, giảm, doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát với số thuê bao được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hiện có và thực hiện chấm dứt hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định.

b) Trường hợp chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giao địa phương trực tiếp tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ:

Căn cứ hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ trên địa bàn cho cả chương trình. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ theo văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát và hoàn thành danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ gửi các doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ và gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý biết.

Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách đối tượng được hỗ trợ và có văn bản gửi danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập gửi các doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ và gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý biết.

Doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho các đối tượng sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi danh sách đối tượng được hỗ trợ.

Trường hợp sau 02 (hai) tháng kể từ khi nhận được danh sách đối tượng được hỗ trợ mà doanh nghiệp không thực hiện hỗ trợ, doanh nghiệp có trách nhiệm đưa ra khỏi danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ.

Chấm dứt hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích từ tháng tiếp theo tháng thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập không còn là đối tượng thụ hưởng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Sau khi nhận được danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm cả danh sách đối tượng tăng, giảm, doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát với số thuê bao được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hiện có và thực hiện chấm dứt hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định.

3. Thành phần hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, bao gồm:

a) Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập;

c) Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin.

4. Biểu mẫu lập danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 01;

b) Danh sách đối tượng tăng/giảm được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02;

c) Đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng nhận hỗ trợ theo Mẫu số 03;

d) Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04;

đ) Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn

thông phổ cập theo Mẫu số 04a;

e) Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 04b;

g) Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 05;

h) Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 05a;

i) Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 05b.

5. Biểu mẫu lập danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng nhận hỗ trợ theo Mẫu số 03;

b) Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04;

c) Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04a;

d) Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 04b;

đ) Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 05;

e) Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 05a;

g) Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 05b.

Điều 10. Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập trong trường hợp hỗ trợ trực tiếp

1. Căn cứ lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ;

b) Nhu cầu của đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định.

2. Trình tự tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng

dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Căn cứ hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập trên địa bàn cho cả chương trình; trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát và hoàn thành danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý biết;

b) Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát và hoàn thành danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện (tăng, giảm, điều chỉnh) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý biết;

c) Chấm dứt hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ tháng tiếp theo tháng thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập không còn là đối tượng thụ hưởng theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của chương trình.

3. Đối tượng chỉ được nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ khi bảo đảm các điều kiện sử dụng kinh phí đúng mục đích theo quy định của chương trình từng thời kỳ.

4. Biểu mẫu đăng ký và danh sách các đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo phương thức hỗ trợ trực tiếp theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng được hỗ trợ theo Mẫu số 01;

b) Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02;

c) Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02a;

d) Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 02b.

Điều 11. Lập dự toán kinh phí, thực hiện quy trình và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức đặt hàng

1. Việc lập dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho cả thời kỳ chương trình và hằng năm theo phương thức đặt hàng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập dự toán đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Thời gian thực hiện: Theo thời kỳ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Nội dung dự toán đặt hàng doanh nghiệp hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Mức hỗ trợ do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và được bảo đảm tính ổn định, liên tục theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

5. Quy trình đặt hàng doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

6. Thành phần hồ sơ đăng ký đặt hàng, bao gồm:

Văn bản đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp viễn thông kèm theo bản thuyết minh phương án và dự toán thực hiện đặt hàng; các hồ sơ tài liệu liên quan (nếu có). Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm về tính chính xác về nội dung, số liệu báo cáo.

7. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm k khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Nội dung công khai bao gồm: Tên doanh nghiệp được đặt hàng; danh mục dịch vụ viễn thông công ích được đặt hàng, giá trị hợp đồng và kinh phí thực hiện hỗ trợ theo từng dịch vụ, từng doanh nghiệp.

8. Biểu mẫu sử dụng trong đặt hàng hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Văn bản thông báo phương án đặt hàng theo Mẫu số 01;

b) Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 02;

c) Đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp theo Mẫu số 03;

d) [5]Văn bản mời doanh nghiệp thương thảo hợp đồng đặt hàng hỗ trợ sử dụng

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 04;

đ) Biên bản thương thảo hợp đồng theo Mẫu số 05;

e) Quyết định đặt hàng theo Mẫu số 06;

g) Hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 07;

h) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 08;

i) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 09;

k) Biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 10;

l) Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 16.

Điều 12. Lập dự toán kinh phí, thực hiện quy trình và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức giao nhiệm vụ

1. Việc lập dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho cả thời kỳ chương trình và hằng năm theo phương thức giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Thời gian thực hiện: Theo thời kỳ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Nội dung dự toán giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã ban hành mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành mức hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích: Thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Mức hỗ trợ do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và được bảo đảm tính ổn định, liên tục trong hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

5. Quy trình thực hiện giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Căn cứ thông báo dự kiến giao nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết việc tiếp nhận đăng ký của doanh nghiệp;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam rà soát hồ sơ đăng ký nhiệm vụ của doanh nghiệp viễn thông. Trường hợp chưa bảo đảm đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp viễn thông bổ sung, làm rõ hồ sơ;

c) Căn cứ quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam rà soát, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích;

d) Doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích lập dự toán gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

đ) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập, phê duyệt dự toán và triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

6. Thành phần hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp viễn thông.

7. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm h khoản 6 Điều 11 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Nội dung công khai bao gồm: Tên doanh nghiệp được giao nhiệm vụ; danh mục dịch vụ viễn thông công ích được giao nhiệm vụ, giá trị hợp đồng và kinh phí thực hiện hỗ trợ theo từng dịch vụ, từng doanh nghiệp.

8. Biểu mẫu thực hiện giao nhiệm vụ hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Thông báo dự kiến giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 11;

b) Đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp theo Mẫu số 12;

c) Văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu số 13;

d) Quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 14;

đ) Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 15;

e) Biên bản thương thảo hợp đồng theo Mẫu số 05;

g) Hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 07;

h) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 08;

i) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 09;

k) Biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 10;

l) Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 16.

Điều 13. Lập dự toán kinh phí, thực hiện quy trình và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức hỗ trợ trực tiếp

1. Việc lập dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức hỗ trợ trực tiếp cho cả thời kỳ chương trình và hằng năm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Thời gian thực hiện: Theo thời kỳ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Nội dung dự toán giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Mức hỗ trợ do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và được bảo đảm tính ổn

định, liên tục trong hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

5. Quy trình thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Trường hợp Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lựa chọn tổ chức thanh toán trung gian để chi trả kinh phí cho các đối tượng được hỗ trợ thì thực hiện tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ ủy thác chi trả theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt, triển khai các thủ tục, trình tự đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ ủy thác chi trả kinh phí cho các đối tượng được hỗ trợ;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ lựa chọn nhà thầu và tư vấn triển khai các thủ tục đấu thầu được lấy từ nguồn kinh phí quản lý hoạt động viễn thông công ích giao cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

6. Biểu mẫu hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức hỗ trợ trực tiếp quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 01;

b) Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ theo Mẫu số 02.

Mục 3
THỰC HIỆN QUY TRÌNH, BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Điều 14. Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ thiết bị đầu cuối

1. Việc lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ thiết bị đầu cuối quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP cho các phương thức đấu thầu, giao nhiệm vụ và hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối:

a) Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ;

b) Nhu cầu của đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định.

3. Trình tự tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ thiết bị đầu cuối:

a) Căn cứ hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tổ chức lập danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối trên địa bàn cho cả chương trình;

b) Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát và hoàn thành danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời gửi danh sách đến Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng được hỗ trợ biết.

4. Đối tượng chỉ được nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối khi bảo đảm các điều kiện sử dụng kinh phí đúng mục đích theo quy định của chương trình từng thời kỳ.

5. Biểu mẫu đăng ký và danh sách các đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đề nghị hỗ trợ thiết bị đầu cuối của đối tượng nhận hỗ trợ theo Mẫu số 01;

b) Danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 02.

Điều 15. Lập dự toán kinh phí, thực hiện quy trình và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông thực hiện

1. Việc lập dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho cả thời kỳ Chương trình và hằng năm theo phương thức giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức giao nhiệm vụ:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Thời gian thực hiện giao nhiệm vụ: Theo thời kỳ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

d) Danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp;

đ) Mức kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối được quy định tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

3. Dự toán kinh phí giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho từng doanh nghiệp viễn thông theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Quy trình thực hiện giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP tổ chức lập, trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt giao nhiệm vụ cho từng doanh nghiệp và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt giao nhiệm vụ cho từng doanh nghiệp và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

5. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Nội dung công khai bao gồm: Tên doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, danh mục thiết bị đầu cuối được hỗ trợ, giá trị hợp đồng và kinh phí thực hiện hỗ trợ trong năm và cả thời kỳ chương trình theo từng dịch vụ, từng doanh nghiệp.

6. Biểu mẫu thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức giao nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 01;

b) Hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 02;

c) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 03;

d) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 04;

đ) Biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 05.

Điều 16. Lập dự toán kinh phí, thực hiện quy trình và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp

1. Việc lập dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho cả thời kỳ chương trình và cho từng lần hỗ trợ theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 16 và khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp:

a) Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp;

d) Mức kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối được quy định tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

3. Dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Quy trình thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

5. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và danh mục tổ chức thanh toán trung gian để chi trả kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Biểu mẫu về thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định tại Phụ lục X kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 01;

b) Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 02.

Mục 4
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 17. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của chương trình

1. Kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong từng thời kỳ, bao gồm:

a) Mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ chính của Kế hoạch;

b) Khối lượng dịch vụ viễn thông công ích dự kiến cả giai đoạn, được chia ra hằng năm, bao gồm: Khối lượng dự kiến cơ sở hạ tầng viễn thông cần phát triển, nâng cấp, duy trì; số lượng, khối lượng, sản lượng dịch vụ dự kiến hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; số lượng đối tượng dự kiến được hỗ trợ thiết bị đầu cuối;

c) Kinh phí (bao gồm: Thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông và các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước; chi hỗ trợ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, chi khác) dự kiến cả giai đoạn, được chia ra hằng năm;

d) Phương thức thực hiện;

đ) Tiến độ thực hiện;

e) Tổ chức thực hiện.

2. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của chương trình, gồm có:

a) Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cả giai đoạn của chương trình, chia ra hằng năm. Nội dung Kế hoạch bao gồm:

Số lượng theo địa bàn hoặc danh sách địa bàn thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; đảo, xã đảo, nhà giàn, đặc khu; khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

b) Kế hoạch hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cả giai đoạn thực hiện chương trình, chia ra hằng năm. Nội dung kế hoạch bao gồm:

Kế hoạch hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc, bao gồm quy mô sản lượng từng dịch vụ viễn thông bắt buộc.

Kế hoạch hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm số lượng các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

c) Kế hoạch thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối cả giai đoạn của chương trình, chia ra hằng năm. Nội dung kế hoạch là số lượng đối tượng dự kiến được quy định tại chương trình đủ điều kiện nhận hỗ trợ từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động viễn thông công ích khác giao cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện, chia ra hằng năm.

3. Cơ quan, doanh nghiệp viễn thông lập, đề xuất kế hoạch:

a) Các địa phương;

b) Các doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng;

c) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ đề xuất của các địa phương, doanh nghiệp và các số liệu do các cơ quan trung ương, địa phương cung cấp tổ chức rà soát, lấy ý kiến Cục Viễn thông và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và đề xuất kế hoạch theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

4. Thời hạn báo cáo đề xuất kế hoạch:

a) Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của chương trình do các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức lập và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trong 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình;

b) Trong quá trình thực hiện Chương trình, trường hợp có đề nghị điều chỉnh kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp gửi đề nghị điều chỉnh kế hoạch về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trước ngày 30 tháng 9 hằng năm để tổng hợp và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

5. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam sử dụng nguồn chi quản lý hoạt động viễn thông công ích để thực hiện việc lập kế hoạch thực hiện chương trình.

6. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

Bộ Khoa học và Công nghệ giao cơ quan chức năng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định và trình Bộ phê duyệt.

7. Biểu mẫu về kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 01;

b) Quyết định phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 02;

c) Báo cáo nội dung khảo sát về hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ thuộc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh theo Mẫu số 03;

d) Báo cáo nội dung khảo sát, báo giá phục vụ lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 04;

đ) [6]Văn bản đề xuất đối tượng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và hỗ trợ thiết bị đầu cuối thực hiện chương trình theo Mẫu số 05;

e) Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 06;

g) Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 07.

Điều 18. Dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

---

[6] Điểm này được đính chính theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Dự toán kinh phí thực hiện hoạt động viễn thông công ích là dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được quy định tại các Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Dự toán kinh phí thực hiện chương trình được lập, phê duyệt cho cả chương trình trong từng thời kỳ hoặc được lập, phê duyệt riêng cho từng năm hoặc từng hoạt động viễn thông công ích;

b) Bảo đảm nguyên tắc kinh phí thực hiện hoạt động viễn thông công ích được cân đối đầy đủ từ nguồn kinh phí của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ;

c) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình và các văn bản có liên quan, tổ chức lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo từng thời kỳ trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện nếu có các yếu tố biến động ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Cơ quan, doanh nghiệp đề xuất dự toán:

a) Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và các địa phương; các doanh nghiệp viễn thông; các đơn vị, tổ chức có liên quan phối hợp đề xuất dự toán;

b) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổng hợp, lập dự toán; tổ chức thẩm tra dự toán kinh phí thực hiện chương trình theo từng thời kỳ trước khi trình Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam sử dụng nguồn chi quản lý hoạt động viễn thông công ích để tổ chức thực hiện hoạt động khảo sát, lập dự toán, tư vấn thẩm tra dự toán kinh phí thực hiện chương trình theo từng thời kỳ.

4. Thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ giao cơ quan chức năng tổ chức thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình;

b) Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình. Hội đồng thẩm định có thành viên là số lẻ: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; thành viên Hội đồng là đại diện Lãnh đạo các cơ quan liên quan hoặc mời thêm các chuyên gia trong lĩnh vực (nếu cần). Các thành viên có ý kiến thẩm định độc lập.

Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ: Xem xét, đánh giá toàn diện (về tính khả thi, hiệu quả, pháp lý, kỹ thuật...) về dự toán kinh phí thực hiện chương trình theo từng thời kỳ.

5. Biểu mẫu về thực hiện lập dự toán chương trình theo quy định tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 08;

b) Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 09;

c) Văn bản đề xuất điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hằng năm theo Mẫu số 10;

d) Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hằng năm theo Mẫu số 11.

Điều 19. Thời gian thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự toán thực hiện các nhiệm vụ của chương trình

1. Trong thời gian 15 ngày làm việc đối với các kế hoạch thực hiện chương trình, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo.

2. Trong thời gian 15 ngày làm việc đối với dự toán kinh phí thực hiện chương trình, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo.

Mục 5

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ, MỨC HỖ TRỢ

Điều 20. Chi hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ

1. Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, chi hỗ trợ sử dụng dịch vụ được tính như sau:

a) Đối với dịch vụ viễn thông bắt buộc:

Chi hỗ trợ cho đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc thông qua doanh nghiệp viễn thông đối với từng loại dịch vụ viễn thông bắt buộc được tính trên cơ sở mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc nhân (x) với sản lượng từng loại dịch vụ được hỗ trợ sử dụng theo chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc tối đa bằng mức giá dịch vụ viễn thông bắt buộc do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Trường hợp doanh nghiệp viễn thông ban hành giá dịch vụ viễn thông bắt buộc thấp hơn giá do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, áp dụng theo giá cụ thể của doanh nghiệp khi tính mức hỗ trợ.

b) Đối với dịch vụ viễn thông phổ cập:

Mức hỗ trợ quy định cụ thể theo loại dịch vụ và đối tượng trong chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo từng thời kỳ.

Chi hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập thông qua doanh nghiệp viễn thông cho từng đối tượng theo phương thức đặt hàng được tính trên cơ sở mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập tương ứng của từng đối tượng nhân (x) với sản lượng của từng loại dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng được hỗ trợ tương ứng.

Trường hợp giá dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp viễn thông thấp hơn giá do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, mức hỗ trợ tính theo mức giá của doanh nghiệp ban hành.

2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm về báo cáo chính xác số liệu, giá dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp ban hành; đồng thời bảo đảm theo dõi cụ thể, chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo theo các trường hợp mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Điều 21. Xét duyệt định mức

1. Các loại định mức thực hiện xét duyệt bao gồm:

a) Định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) cho hoạt động lắp đặt thiết bị đầu cuối.

2. Trình tự xét duyệt:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ cho cơ quan đơn vị trực thuộc xây dựng các định mức quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng định mức căn cứ kết quả xây dựng định mức báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xét duyệt, thẩm định xem xét, ban hành định mức;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ giao cơ quan giúp việc quản lý định mức làm đầu mối tổ chức xét duyệt;

d) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức xét duyệt. Hội đồng thẩm định có thành viên là số lẻ: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; thành viên Hội đồng là đại diện Lãnh đạo các cơ quan liên quan hoặc mời thêm các chuyên gia trong lĩnh vực (nếu cần). Các thành viên có ý kiến thẩm định độc lập.

3. Hồ sơ trình Hội đồng bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định;

b) Dự thảo định mức;

c) Báo cáo thuyết minh bao gồm: Phương pháp xây dựng định mức; báo cáo quá trình thực hiện xây dựng định mức; các căn cứ xây dựng định mức; quy trình thực hiện, mô tả kỹ thuật, thiết kế tiêu chuẩn, nội dung; Phiếu khảo sát thu thập số liệu và báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (trong trường hợp sử dụng phương pháp khảo sát phân tích thực nghiệm thu thập dữ liệu từ thực tế); Báo cáo tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo định mức đối với ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, ý kiến phản biện độc lập của chuyên gia (nếu có), ý kiến của đối tượng áp dụng định mức, đối tượng chịu tác động;

d) Các tài liệu khác phục vụ quá trình xây dựng định mức, đánh giá khả thi (nếu có).

Điều 22. Thẩm định định mức chi phí

1. Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá, kết luận đối với hồ sơ định mức chi phí dựa trên các nội dung sau:

a) Cơ sở xây dựng định mức;

b) Phương pháp xây dựng định mức;

c) Trình tự, thủ tục xây dựng định mức;

d) Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích tính toán, xác định trị số của định mức;

đ) Hình thức, bố cục trình bày định mức;

e) Tính khả thi;

g) Các vấn đề khác (nếu có);

h) Kiến nghị (nếu có).

2. Thời gian thẩm định: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu, cơ quan được giao đầu mối thẩm định có trách nhiệm tổ chức thành lập Hội đồng để xét duyệt.

3. Kết luận thẩm định của Hội đồng thẩm định được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu, theo nguyên tắc quá bán; việc đánh giá thực hiện ở 3 mức như sau:

Mức 1: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

Mức 2: Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành;

Mức 3: Không đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

4. Kết quả thẩm định của Hội đồng được tổng hợp thể hiện trong Báo cáo thẩm định, bao gồm ý kiến kết luận và kiến nghị của Hội đồng. Báo cáo thẩm định kết quả xây dựng định mức là căn cứ để Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định ban hành định mức chi phí.

Điều 23. Trình, phê duyệt ban hành định mức chi phí

1. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định đạt yêu cầu, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có trách nhiệm tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ định mức trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, ban hành.

2. Hồ sơ trình ban hành bao gồm:

a) Văn bản trình của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

b) Báo cáo thẩm định kết quả xây dựng định mức của Hội đồng thẩm định đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

c) Dự thảo Quyết định ban hành;

d) Dự thảo Định mức (kèm theo) đề nghị ban hành.

3. Thời hạn ban hành: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định phê duyệt định mức.

Mục 6

BIỂU MẪU QUYẾT TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 24. Biểu mẫu báo cáo quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Biểu mẫu báo cáo quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Phụ lục XII kèm theo Thông tư này, bao gồm:

1. Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 01.

2. Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Mẫu số 02.

3. Thông báo xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 03.

Điều 25. Danh mục hồ sơ quyết toán các nhiệm vụ thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Hồ sơ quyết toán các nhiệm vụ

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc doanh nghiệp được giao nhiệm vụ gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ để trình đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Phiếu trình/Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán (bản chính);

b) Báo cáo quyết toán (bản chính);

c) Báo cáo Kiểm toán độc lập bản chính (nếu có);

d) Các quyết định phê duyệt kế hoạch, dự toán, các văn bản pháp lý khác có liên quan (bản chính hoặc bản sao y bản chính);

đ) Hồ sơ chi tiết từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc bản sao y bản chính): Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; hóa đơn, chứng từ chuyển tiền;

e) Các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật liên quan (nếu có); Báo cáo của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc doanh nghiệp được giao nhiệm vụ kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên (bản sao y bản chính);

g) Các tài liệu khác có liên quan (bản sao y bản chính).

2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc doanh nghiệp được giao nhiệm vụ được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.

3. Trường hợp hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức đấu thầu có lập dự án, hồ sơ lập, trình đề nghị phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm triển khai thực hiện việc lập, sử dụng và báo cáo theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư này khi tham gia hoạt động viễn thông công ích.

Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo hướng dẫn tại Thông tư này và hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, được hỗ trợ trang bị thiết bị đầu cuối có trách nhiệm đăng ký, kê khai theo đúng biểu mẫu và chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.

Điều 27. Hiệu lực thi hành[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp giải quyết./.

---

[7] Điều 17, Điều 18 của Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 20/5/2026 quy định như sau:

*"**Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Các hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

2. Đơn, hồ sơ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm các quy định tại Chương IV Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ đó.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các quy định tại Chương IV của Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, hướng dẫn./."

PHỤ LỤC I

BIỂU MẪU HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

(Theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ)[8]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập	Nơi nhận
Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt Phương án đặt hàng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Các địa phương; Các doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 02	Văn bản đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 03[9]	Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Các doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 04	Biên bản thương thảo hợp đồng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 05	Quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Doanh nghiệp viễn thông; Các đơn vị liên quan
Mẫu số 06	Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Các địa phương
Mẫu số 08	Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 09	Biên bản thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 10	Văn bản đề nghị giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Ủy ban nhân dân tỉnh/cơ quan	Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 11	Quyết định Phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh/cơ quan; Các doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ

[8] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.1 phần 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

[9] Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN "*Thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*" được thay thế bằng Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN "*Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*" quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

			viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 12	Văn bản thông báo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 13	Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Doanh nghiệp viễn thông	Bộ Khoa học và Công nghệ; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 14	Quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 15	Văn bản đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Các doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 16	Quyết định phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Các doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THUÊ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập	Nơi nhận
Mẫu số 01	Báo cáo chi phí thuê cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 02	Báo cáo chi phí thuê cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đề nghị nghiệm thu	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

PHỤ LỤC III
BIỂU MẪU XÁC ĐỊNH DOANH THU PHÁT SINH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập	Nơi nhận
Mẫu số 01	Báo cáo doanh thu phát sinh cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 02	Báo cáo doanh thu phát sinh cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đề nghị nghiệm thu	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

PHỤ LỤC IV
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ VÀ DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP
(Theo phương thức đặt hàng/Giao nhiệm vụ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 02	Danh sách đối tượng tăng/giảm được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 03	Đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng nhận hỗ trợ	Đối tượng được hỗ trợ	Doanh nghiệp viễn thông/Cơ quan được giao lập danh sách[10]
Mẫu số 04	Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Doanh nghiệp viễn thông	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 04a	Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Doanh nghiệp viễn thông	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 04b	Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin	Doanh nghiệp viễn thông	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 05	Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Ủy ban nhân dân xã (theo điểm b khoản 2 Điều 9)
Mẫu số 05a	Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Ủy ban nhân dân xã (theo điểm b khoản 2 Điều 9)
Mẫu số 05b	Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Ủy ban nhân dân xã (theo

[10] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.2 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

			điểm b khoản 2 Điều 9)

PHỤ LỤC V
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ VÀ DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP
(Theo phương thức hỗ trợ trực tiếp)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của đối tượng được hỗ trợ	Đối tượng được hỗ trợ	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ
Mẫu số 02	Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập[11]	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 02a	Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Uỷ ban nhân dân xã[12]
Mẫu số 02b	Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Uỷ ban nhân dân xã[13]

[11] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.3 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[12] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.4 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[13] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.4 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

PHỤ LỤC VI
BIỂU MẪU HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Văn bản thông báo phương án đặt hàng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 03	Đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 04[14]	Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 05	Biên bản thương thảo hợp đồng đặt hàng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 06	Quyết định đặt hàng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 07	Hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

[14] Mẫu số 04 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN "*Văn bản thông báo kết quả đánh giá phương án đặt hàng cho các doanh nghiệp*" được thay thế bằng Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN "*Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*" quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

Mẫu số 09	Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 10	Biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 11	Thông báo dự kiến giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 12	Đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp	Doanh nghiệp viễn thông	Bộ Khoa học và Công nghệ; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 13	Văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký thực hiện nhiệm vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 14	Quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 15	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 16	Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Trang thông tin điện tử của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC VII
BIỂU MẪU HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Theo phương thức hỗ trợ trực tiếp)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 02	Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC VIII
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ VÀ DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Đề nghị hỗ trợ thiết bị đầu cuối của đối tượng được hỗ trợ	Đối tượng được hỗ trợ	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ
Mẫu số 02	Danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Cơ quan được giao lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Ủy ban nhân dân xã

PHỤ LỤC IX
BIỂU MẪU HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
(Theo phương thức giao nhiệm vụ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 02	Hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Mẫu số 04	Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 05	Biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp viễn thông

PHỤ LỤC X
BIỂU MẪU HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
(Theo phương thức hỗ trợ trực tiếp)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập biểu	Nơi nhận
Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ[15]
Mẫu số 02	Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ

[15] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.5 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

PHỤ LỤC XI

BIỂU MẪU LẬP KẾ HOẠCH[16], DỰ TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập/ban hành	Nơi nhận
Mẫu số 01	Văn bản đề nghị phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; các doanh nghiệp viễn thông
Mẫu số 03	Báo cáo nội dung khảo sát về hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập thuộc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh	Các địa phương	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 04	Báo cáo nội dung khảo sát, báo giá phục vụ lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 05	Văn bản đề xuất đối tượng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện chương trình	Ủy ban nhân dân tỉnh/Doanh nghiệp	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 07	Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Địa phương; Doanh nghiệp
Mẫu số 08	Văn bản đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 09	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Doanh nghiệp
Mẫu số 10	Văn bản đề xuất điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hằng năm	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ

[16] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.6 phần 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 11	Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hằng năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

PHỤ LỤC XII
BIỂU MẪU QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số	Tên gọi	Trách nhiệm lập/ban hành	Nơi nhận
Mẫu số 01	Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 02	Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ
Mẫu số 03	Thông báo xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Mẫu số 01, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-VTF	*Hà Nội, ngày … tháng … năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích….

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ ....;

....

Theo đề nghị của ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với các khu vực doanh nghiệp đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập năm…., giai đoạn….-….., cụ thể:

a) Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ;

b) Tên dịch vụ viễn thông phổ cập đặt hàng;

c) Các yêu cầu cụ thể về phổ cập dịch vụ viễn thông;

d) Số lượng khu vực, công trình viễn thông, đường truyền dẫn hoạt động cung cấp dịch vụ;

đ) Thời gian cung cấp dịch vụ;

e) Dự toán đặt hàng;

…..

(Chi tiết tại các Biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. *(Tên các đơn vị thi hành quyết định)* và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BIỂU 01

KHU VỰC ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐỐI VỚI CÁC KHU VỰC DOANH NGHIỆP ĐÃ TỰ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp viễn thông: ……

Dịch vụ viễn thông phổ cập:…….

Thời gian thực hiện: ……

(Kèm theo Quyết định số ... ngày.... tháng ... năm ...của ...)

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Thời điểm cung cấp dịch vụ	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1						
2						
...						
	Tổng					

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 02

KINH PHÍ DỰ KIẾN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐỐI VỚI CÁC KHU VỰC DOANH NGHIỆP ĐÃ TỰ ĐẦU TƯ, DUY TRÌ CƠ SỞ HẠ TẦNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tên dịch vụ: ...

Thời gian thực hiện: ...

(Kèm theo Quyết định số ... ngày.... tháng ... năm ...của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Kinh phí hỗ trợ năm 1	Kinh phí hỗ trợ năm 2	…..	Tổng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
….								
			Tổng cộng					

Tổng chi phí cung cấp DVVT phổ cập:

……..đồng;

Thuế VAT (nếu có):……..…….....đồng;

Tổng chi phí đề nghị được hỗ trợ:

.....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 02, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN DOANH NGHIỆP Số: ……. V/v đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *... , ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-VTF ngày … tháng … năm … của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

(Tên đơn vị) đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với các khu vực doanh nghiệp viễn thông đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

a) Nội dung, khối lượng thực hiện.

b) Yêu cầu về phổ cập, dịch vụ.

c) Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: ... triệu đồng, trong đó:

- Dịch vụ viễn thông di động mặt đất: Tổng số.... khu vực. Tổng kinh phí ...

- Dịch vụ Internet cố định băng rộng: Tổng số.... khu vực. Tổng kinh phí ...

d) Thuyết minh chi tiết mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ đối với từng nội dung: ….

(Chi tiết ở Biểu 02, các biểu thuyết minh chi tiết kèm theo)

đ) Các nội dung khác

e) Hồ sơ đăng ký đặt hàng gồm:

……

(Tên đơn vị) cam kết đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, số liệu báo cáo cơ quan nhà nước.

Đề nghị Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01

DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN, KHU VỰC ĐĂNG KÝ ĐƯỢC PHỔ CẬP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG ……..[TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

(Kèm theo văn bản số ... ngày... tháng... năm... của...)

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Mã đơn vị hành chính cấp xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Thời điểm cung cấp dịch vụ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
…							

Ghi chú: Thuyết minh điều chỉnh tăng, giảm so với Quyết định phê duyệt Phương án đặt hàng.

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- *Cột (1): Ghi số thứ tự các địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;*
- *Cột (2), (3): Ghi tên tỉnh, tên xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng;*
- *Cột (4): Ghi mã đơn vị hành chính của xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng;*
- *Cột (5): Ghi tên địa bàn, khu vực thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;*
- *Cột (6): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;*
- *Cột (7): Ghi thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ (từ tháng…. năm…);*

BIỂU 02
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ
……[GHI TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Năm ….						Năm ….						Tổng cộng						Ghi chú
				Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)+(7)+(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(11)+(12)+(13)+(14)-(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1																						
2																						
Tổng cộng																						

Tổng chi phí cung cấp DVVT phổ cập: ……..đồng;

Thuế VAT (nếu có):…….....đồng;

Tổng chi phí đề nghị được hỗ trợ: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

*- Cột (2), (3), (4):Ghi tên địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng **(theo đơn vị hành chính mới)**;*

*- Cột (5), cột (11): Ghi tổng chi phí khấu hao các hạng mục công trình viễn thông triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở **Biểu 03**;*

*- Cột (6), cột (12): Ghi tổng chi phí duy trì các hạng mục công trình viễn thông triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở **Biểu 03**;*

*- Cột (7), cột (13): Ghi tổng chi phí thuê các hạng mục công trình viễn thông và chi phí thuê khác của địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở **Biểu 03** (nếu có);*

*- Cột (8), cột (14): Ghi tổng chi phí khác của các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở **Biểu 03** (nếu có);*

*- Cột (9), cột (15): Ghi doanh thu phát sinh dự kiến của các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở **Biểu 03**;*

- Cột (10), cột (16): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong năm;

- Cột (17) đến cột (23): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong các năm.

BIỂU 03:

CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
ĐỊA BÀN ……
Vị trí đặt trạm:……..
Dịch vụ: …….
Thời gian thực hiện: ……

I. CHI PHÍ KHẤU HAO DỰ KIẾN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông tin về Tài sản cố định				Dự toán chi phí khấu hao				Ghi chú
				Nguyên giá tài sản cố định/tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Thời gian bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao tài sản cố định (số tháng)	Giá trị còn lại của TSCĐ (triệu đồng)	Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**											
1												
2												
….	……											
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**											
1												
2												
….	……											
	Tổng cộng											

Tổng Chi phí khấu hao đề nghị hỗ trợ: ..... đồng.
(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5): Ghi nguyên giá tài sản cố định

- Cột (6): Thời gian bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

- Cột (7): Thời gian trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

- Cột (8): Giá trị còn lại của tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông theo hướng dẫn thực hiện chương trình;

- Cột (9) đến cột (12): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông của từng năm và của cả Chương trình.

II. CHI PHÍ DUY TRÌ DỰ KIẾN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Dự toán chi phí duy trì				Ghi chú
				Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**							
1								
2								
….	……							
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**							
1								
2								
…..	**……..**							
	Tổng cộng							

Tổng chi phí duy trì đề nghị hỗ trợ: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5) đến cột (8): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông của từng năm và của cả Chương trình.

III. CHI PHÍ THUÊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Chi phí thuê				Ghi chú
				Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	**CHI PHÍ THUÊ CƠ SỞ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**						[Tổng A]	
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**							
1								
2								
….	……..							
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**							
1								
2								
….	……..							
B	**CHI PHÍ THUÊ KHÁC (nếu có)**						[Tổng B]	
1	Chi phí thuê công trình hạ tầng kỹ thuật khác							
2	Chi phí mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông							
3	Thuê đường truyền dẫn, thuê dịch vụ vệ tinh của doanh nghiệp viễn thông khác							
	Tổng cộng						**[Tổng]**	

Tổng chi phí thuê đề nghị hỗ trợ: ..... đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5) đến cột (8): Chi phí thuê cơ sở hạ tầng viễn thông (chi tiết theo các hạng mục công trình viễn thông), công trình hạ tầng kỹ thuật khác và các chi phí thuê khác theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 19 Nghị định 295/2025/NĐ-CP đề nghị được hỗ trợ của từng năm và của cả Chương trình.

IV. CHI PHÍ KHÁC (NẾU CÓ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	….	….	Chi phí khác				Ghi chú
				Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Phí**							
1								
….	……..							
II	**Lệ phí**							
1								
….	……..							
III	**Thuế**							
1								
….	……..							
	Tổng cộng						**[Tổng]**	

Tổng chi phí khác: ..... đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi nội dung chi phí khác;

- Cột (5) đến cột (7): Ghi Chi phí khác doanh nghiệp phải nộp theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 03[17], Phụ lục I

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v mời thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	*Hà Nội, ngày … tháng… năm .....*

Kính gửi: [Tên doanh nghiệp viễn thông];

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng số …./QĐ-VTF ngày… tháng… năm… của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ …

Căn cứ...

Sau khi rà soát, tổng hợp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thông báo tới Quý doanh nghiệp đăng ký nhận đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với các khu vực doanh nghiệp viễn thông đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập như sau:

1. [Tên doanh nghiệp] là doanh nghiệp đủ điều kiện đặt hàng.

2. Trân trọng kính mời [Tên doanh nghiệp] đến tham dự buổi thương thảo hợp đồng đặt hàng, cụ thể như sau:

……..

Nơi nhận: …	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** (Ký và ghi rõ họ tên)

[17] Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN "*Thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*" được thay thế bằng Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN "*Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*" quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

Mẫu số 04, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG
Số: /BBTT-….

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ:…….;

.....

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút ngày ... tại ...., địa chỉ: ....., chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên A: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Đại diện: Ông … Chức vụ: ...

(Giấy ủy quyền số: .../UQ-VTF ngày ... của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (nếu có)).

Địa chỉ: ....

Bên B: Tên doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng/giao nhiệm vụ

Đại diện: Ông ... Chức vụ: ...

(Giấy ủy quyền số ... ngày ... của ... (nếu có)).

Địa chỉ: ...

Hai bên đã thương thảo và thống nhất một số nội dung trong hợp đồng như sau:

1. Về số lượng, khối lượng dịch vụ cung cấp:

.....

2. Mức chi hỗ trợ:

.....

3. Các nội dung khác

Nội dung thương thảo trên được thống nhất giữa hai bên và là cơ sở để hai bên ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào ... ngày ... Biên bản thương thảo hợp đồng gồm ... trang được lập thành ... bản, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam giữ ... bản, [tên doanh nghiệp viễn thông] giữ ... bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

Mẫu số 05, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-VTF	*Hà Nội, ngày … tháng … năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ ....;

….

Theo đề nghị của …….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho [Doanh nghiệp] đối với các khu vực doanh nghiệp đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập năm…., giai đoạn….-…..,

(Chi tiết tại Biểu 01 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. *(Tên các đơn vị thi hành quyết định)* và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BIỂU 01

DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN, KHU VỰC ĐĂNG KÝ ĐƯỢC PHỔ CẬP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG ……..[TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

(Kèm theo Quyết định số ... ngày... tháng... năm... của...)

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Mã đơn vị hành chính cấp xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Thời điểm cung cấp dịch vụ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
…							

BIỂU 02

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ

……[GHI TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

(Kèm theo Quyết định số ... ngày... tháng... năm... của...)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Năm ….						Năm ….						Tổng cộng						Ghi chú
				Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)+(7)+(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(11)+(12)+(13)+(14)-(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1																						
2																						
Tổng cộng																						

Tổng chi phí cung cấp DVVT phổ cập: ……..đồng;

Thuế VAT (nếu có):…….....đồng;

Tổng chi phí đề nghị được hỗ trợ: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

HỢP ĐỒNG
Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích
thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...
Số……/……

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ ……;

…….

Chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

- Đại diện Bên A: (Cơ quan, tổ chức ký hợp đồng ……..).

+ Địa chỉ: ……

+ Điện thoại: ……., Fax: ……

+ Mã số thuế (nếu có): ……

+ Tài khoản: ……

+ Do ông, bà: ……

+ Chức vụ: ……. làm đại diện

- Đại diện bên B: (Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ): …….

+ Địa chỉ: ……

+ Điện thoại: ……., Fax: ……

+ Mã số thuế: ……

+ Tài khoản: ……

+ Do ông (bà): ..……

+ Chức vụ: ……. làm đại diện

Hai bên thống nhất ký hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích với các nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Điều 2. Đối tượng của hợp đồng.

….

a) Tên sản phẩm, dịch vụ ……;

b) Yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông công ích;

c) Danh sách địa bàn, khu vực cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

d) Số lượng công trình viễn thông, đường truyền dẫn được hỗ trợ bù đắp chi phí để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (nếu có);

đ) …

Điều 3. Thành phần của hợp đồng:

1. Văn bản hợp đồng và các phụ lục kèm theo;

2. Biên bản thương thảo hợp đồng;

3. Quyết định đặt hàng/giao nhiệm vụ.

4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Bên A.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Bên B.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Điều 7. Giá trị hợp đồng và phương thức tạm ứng, thanh toán.

1. Giá trị hợp đồng: __ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán:

a) Đồng tiền áp dụng thanh toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

b) Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

c) Tạm ứng:

- Mức tạm ứng và kỳ tạm ứng : … …

- Hồ sơ tạm ứng: … …

d) Thanh, quyết toán:

- Mức thanh toán và thời hạn hanh toán: … …

- Hồ sơ thanh toán: … …

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Thời gian doanh nghiệp được hỗ trợ:

1. Số tháng được hỗ trợ.

2. Thời gian bắt đầu tính hỗ trợ.

3. Thời gian kết thúc hỗ trợ.

Điều 9. Quy định về báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng.

Điều 10. Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

1. Nghiệm thu hợp đồng:

- Kỳ nghiệm thu: … …

- Hồ sơ nghiệm thu.

2. Thanh lý hợp đồng.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Điều 12. Quy định về xử lý vi phạm hợp đồng.

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng.

Điều 14. Chấm dứt hợp đồng.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp.

Điều 16. Điều khoản khác.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng.

Các nội dung khác (nếu có).

Hợp đồng được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó Bên A giữ ... bản, 01 bản gửi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Bên B giữ ... bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 07, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN DOANH NGHIỆP Số: ……. V/v báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *... , ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: …….

Căn cứ Hợp đồng số….;

Căn cứ …….....;

……

(Doanh nghiệp) báo cáo (tên Bên A) về kết quả thực hiện hợp đồng số ….. ngày….tháng….năm….giữa (tên Bên A) và (tên Bên B) về hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, ……

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Đề nghị (tên Bên A) tổ chức nghiệm thu, xác định giá trị khối lượng hoàn thành và thực hiện thanh toán kinh phí cho (tên Bên B) theo quy định của pháp luật.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:	**Thủ trưởng cơ quan** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

BIỂU 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: …/….

Dịch vụ: …

Thời gian thực hiện: …

(Kèm theo Văn bản số ... ngày ... / ... / ...)

1. Báo cáo kết quả yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định của Hợp đồng và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Báo cáo kết quả đo tốc độ mạng Internet theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Nội dung, khối lượng và kinh phí đề nghị nghiệm thu, thanh toán, …

4. Các tài liệu, hồ sơ liên quan (nếu có).

5. Biểu mẫu kèm theo theo hướng dẫn của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (nếu có)

Mẫu số 08, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU[18] KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ…….

Số: ……/BBNT

Kỳ: ... ...

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

.....

Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông số ……..;

Căn cứ ……;

.....

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

I. BÊN A: QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Đại diện: Chức vụ:

(Giấy ủy quyền – Nếu có).

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản: Mở tại:

Mã số thuế:

II. BÊN B: TÊN DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG

Đại diện: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

III. NỘI DUNG:

[18] Cụm từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.1 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng dịch vụ hoàn thành và xác định kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp từ tháng … năm… đến tháng … năm… của hợp đồng số … như sau:

1. Kết quả cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các khu vực được hỗ trợ được nghiệm thu.

.....

2. Kinh phí giảm trừ hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

…….

3. Giá trị thực hiện hợp đồng được nghiệm thu.

…….

4. Các nội dung khác.

5. Kết luận:

Hai bên thống nhất kết quả nghiệm thu khối lượng dịch vụ hoàn thành và xác định kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp từ tháng … năm… đến tháng … năm…. Kết quả nghiệm thu khối lượng dịch vụ hoàn thành và xác định kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp từ tháng … năm… đến tháng … năm… là cơ sở để hai bên tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Biên bản gồm … trang (từ trang … đến trang …) và các Phụ lục đính kèm được lập thành … bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ … bản, Bên B giữ … bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 09, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số:.../BBTLHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
HỢP ĐỒNG SỐ……
Số: … /BBTLHĐ

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Hợp đồng.....;

Căn cứ ……;

……

Hôm nay, ngày.... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

BÊN A: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Đại diện: Chức vụ:

(Giấy ủy quyền – Nếu có).

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản: Mở tại:

Mã số thuế:

BÊN B: (Tên doanh nghiệp viễn thông).

Đại diện: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã ngân hàng:

Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích số …. với các nội dung như sau:

- Giá trị hợp đồng: ……

- Giá trị được nghiệm thu: ……

- Số liệu được Bộ KNCN phê duyệt quyết toán: ……..

- Kinh phí đã thanh toán: ……..

- Kinh phí còn thanh toán: ……...

Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B phần kinh phí còn lại như đã ghi nhận nêu trên trong phạm vi… ngày, kể từ ngày hai bên hoàn thành thủ tục thanh lý hợp đồng số ….

Bên A và Bên B thống nhất thanh lý và kết thúc hợp đồng số …

[Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật].

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 10, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: .../….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v đề nghị giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

Căn cứ .....;

.....

[Địa phương/cơ quan] đề nghị giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn … cho [doanh nghiệp], cụ thể:

1. Sự cần thiết thực hiện hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các[19] khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển, khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo thuộc tỉnh …

2. Căn cứ đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Các dịch vụ viễn thông công ích cần hỗ trợ:....

4. Khu vực đề nghị được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm:

a) Danh sách các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển chưa có dịch vụ viễn thông phổ cập.

b) Danh sách các khu vực thực hiện duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu phổ cập để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

---

[19] Từ này được đính chính theo quy định tại STT 1.2 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Danh sách các khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phổ cập cần nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông.

d) Danh sách các khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó làm rõ khu vực chưa có dịch vụ viễn thông, khu vực nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

(Chi tiết hồ sơ, bảng biểu kèm theo nếu có)

5. Thời gian đề nghị hỗ trợ.

6. Các kiến nghị khác có liên quan.

Đề nghị Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét...

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 01

DANH SÁCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH THEO PHƯƠNG THỨC GIAO NHIỆM VỤ

Tên dịch vụ: ……..

(Ban hành kèm theo Văn bản số ..... /... ngày.... tháng ... năm ... của ...)

I. Danh sách các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển chưa có dịch vụ viễn thông: Áp dụng biểu mẫu 03 Phụ lục XI, chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển chưa có dịch vụ viễn thông.

II. Danh sách các khu vực thực hiện duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu phổ cập để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: Áp dụng biểu mẫu 03 Phụ lục XI, chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến khu vực thực hiện duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu phổ cập để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

III. Danh sách các khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phổ cập cần nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông: Áp dụng biểu mẫu 03 Phụ lục XI, chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phổ cập cần nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông.

IV. Danh sách các khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó làm rõ khu vực chưa có dịch vụ viễn thông, khu vực nâng nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông: Áp dụng biểu mẫu 03 Phụ lục XI, chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó làm rõ khu vực chưa có dịch vụ viễn thông, khu vực nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

Mẫu số 11, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ .....;

.....

Theo đề nghị của ….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ, cụ thể:

1. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông ở các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển (nếu có), bao gồm:

a) Mục tiêu:.....

b) Nội dung, nhiệm vụ chính (nếu có);

c) Số lượng, khối lượng (nếu có);

d) Thời gian thực hiện:

đ) …

(Chi tiết địa bàn, khu vực, thời gian dự kiến hỗ trợ và một số nội dung khác nếu có như biểu kèm theo)

2. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông ở các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển (nếu có).

a) Mục tiêu:.....

b) Nội dung, nhiệm vụ chính (nếu có);

c) Số lượng, khối lượng (nếu có);

d) Thời gian thực hiện:

đ) …

(Chi tiết địa bàn, khu vực, thời gian dự kiến hỗ trợ và một số nội dung khác nếu có như biểu kèm theo)

3. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông ở các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển (nếu có)

a) Mục tiêu:.....

b) Nội dung, nhiệm vụ chính (nếu có);

c) Số lượng, khối lượng (nếu có);

d) Thời gian thực hiện:

e) …

(Chi tiết địa bàn, khu vực, thời gian dự kiến hỗ trợ và một số nội dung khác nếu có như biểu kèm theo)

4. Nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo, trong đó:

4.1. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông (nếu có), bao gồm:

....

4.2. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông (nếu có), bao gồm

.....

4.3. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông (nếu có), bao gồm:

....

(Chi tiết địa bàn, khu vực, thời gian dự kiến hỗ trợ và một số nội dung khác nếu có như biểu kèm theo)

5. Nguồn kinh phí:.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. *(Tên các đơn vị thi hành quyết định)* và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

BỘ TRƯỞNG

Biểu 01

DANH SÁCH KHU VỰC ĐƯỢC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Tên dịch vụ: ……..

(Ban hành kèm theo Quyết định số ….. /QĐ-BKHCN ngày…. tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*
1				
2				
3				
….				

II. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*
1				
2				
3				
….				

III. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*
1				
2				
….				

Mẫu số 12, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /	*Hà Nội, ngày tháng năm*
V/v thông báo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	

Kính gửi: [Các doanh nghiệp viễn thông]

Căn cứ Quyết định số …/QĐ-BKHCN ngày …/…./… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công Nghệ phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo đến các doanh nghiệp viễn thông về kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ *(Quyết định số .../QĐ-BKHCN kèm theo)*. Đề nghị Quý doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ theo quy định tại ……., cụ thể như sau:

1. Về hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp viễn thông theo quy định tại…..

2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ:……

3. Thời điểm, địa điểm mở hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ:…..

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo tới Quý đơn vị về phương thức tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
	(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: …….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	*....., ngày... tháng ... năm ...*

Kính gửi: ….

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BKHCN ngày … tháng … năm … của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ;

Căn cứ văn bản số …/… ngày … tháng … năm … của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thông báo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ.

(Tên đơn vị) đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Quyết định số …./QĐ-BKHCN và dự kiến mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ như sau:

I. Nội dung đăng ký thực hiện nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ 1:……

2. Tên nhiệm vụ 2:……

……..

II. Mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ trong thời gian cung cấp dịch vụ:

1. Tên nhiệm vụ 1: ……

2. Tên nhiệm vụ 2:……

……..

(Biểu 01 kèm theo)

III. Các nội dung khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(Tên đơn vị) cam kết đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích.

Đề nghị Quý cơ quan ….

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu 01

DANH SÁCH KHU VỰC VÀ KINH PHÍ ĐĂNG KÝ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Tên dịch vụ: .....
Thời gian thực hiện: ……
(Kèm theo văn bản số …/… ngày … của [Tên doanh nghiệp])

I. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)						Ghi chú
						Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Kinh phí dự kiến được hỗ trợ	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=6+7+8+9-10*	*12*
1												
2												
...												
	Tổng:											

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (7 năm – 84 tháng kể từ tháng tiếp theo tháng đưa cơ sở hạ tầng viễn thông vào cung cấp dịch vụ).
- Cột (6): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (7): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (8): Chi phí thuê dự kiến (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (6), cột (7)).
- Cột (9): Chi phí khác dự kiến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (10): Doanh thu phát sinh đề xuất theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

II. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	**Tên tỉnh**	**Tên xã**	**Tên địa bàn, khu vực**	**Địa điểm xác định khu vực lõm sóng**	**Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ** (số tháng)	**Kinh phí** (Triệu đồng)						**Ghi chú**
						Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	**Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông**	**Chi phí thuê (nếu có)**	**Chi phí khác**	**Doanh thu phát sinh**	**Kinh phí dự kiến được hỗ trợ**	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=6+7+8+9-10*	*12*
1												
2												
...												
	Tổng:											

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (7 năm – 84 tháng kể từ tháng tiếp theo tháng đưa cơ sở hạ tầng viễn thông vào cung cấp dịch vụ).
- Cột (6): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến được sử dụng để nâng cấp.
- Cột (7): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (8): Chi phí thuê dự kiến (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (6), cột (7)).
- Cột (9): Chi phí khác dự kiến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (10): Doanh thu phát sinh đề xuất theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

III. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập năm trước liền kề (triệu đồng)						Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					
					Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	*Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông*	*Chi phí thuê (nếu có)*	*Chi phí khác*	*Doanh thu phát sinh năm trước liền kề (triệu đồng)*	*Tổng cộng*		*Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông*	*Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông*	*Chi phí thuê (nếu có)*	*Chi phí khác*	*Doanh thu phát sinh*	*Tổng cộng*
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=5+6+7+8-9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17=12+13+14+15-16*
1																	
2																	
...																	
	Tổng																

Số tiền: …… (*Bằng chữ:……)*

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:
- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề.
- Cột (6): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề.
- Cột (7): Chi phí thuê thực tế (nếu có) theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (5), cột (6)).
- Cột (8): Chi phí khác thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (9): Ghi doanh thu phát sinh của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.
- Cột (11): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ là số tháng đề nghị hỗ trợ tính từ thời điểm dự kiến bắt đầu tính hỗ trợ đến khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hiện tại.
- Cột (12): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông theo thực tế của doanh nghiệp.
- Cột (13): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông theo dự kiến của doanh nghiệp.
- Cột (14): Chi phí thuê (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này theo dự kiến của doanh nghiệp (không trùng với nội dung chi phí tại cột (12), cột (13)).
- Cột (15): Chi phí khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP theo dự kiến của doanh nghiệp.
- Cột (16): Doanh thu phát sinh dự kiến được xác định theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

Mẫu số 14, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-BKHCN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày ... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ ……;

.....

Theo đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp được lựa chọn giao nhiệm vụ: [Tên doanh nghiệp] có phương án thực hiện nhiệm vụ .....[tên nhiệm vụ] về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và có mức kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ thấp nhất.

2. Thời gian thực hiện giao nhiệm vụ: .....

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.....

2.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**

Biểu 01

DANH SÁCH KHU VỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ

Tên dịch vụ: …

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-BKHCN ngày…. tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1					
2					
3					
….					

II. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1					
2					
3					
….					

III. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1					
2					
….					

Mẫu số 15, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: …….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	*....., ngày... tháng ... năm ...*

Kính gửi: ….

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BKHCN ngày … tháng … năm … của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BKHCN ngày … tháng … năm … của Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích…..;

(Tên đơn vị) báo cáo và đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện các thủ tục đầu tư cho các nhiệm vụ (áp dụng với trường hợp thực hiện phát triển mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông):

1. Tên nhiệm vụ 1:……

2. Tên nhiệm vụ 2:……

……

Kèm theo hồ sơ quyết định phê duyệt dự án đầu tư, dự toán kinh phí của từng dự án đầu tư, công trình theo quy định của pháp luật đầu tư xây dựng.

II. Dự toán kinh phí đề nghị được hỗ trợ trong thời gian cung cấp dịch vụ:

1. Tên nhiệm vụ 1:……

2. Tên nhiệm vụ 2:……

……

(Biểu 01 kèm theo)

(Tên đơn vị) cam kết đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích.

Đề nghị Quý cơ quan ….

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu 01

DANH SÁCH KHU VỰC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ XUẤT
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Tên dịch vụ: .....
Thời gian thực hiện: ……

(Kèm theo văn bản số .../... ngày ... của [Tên doanh nghiệp])

Áp dụng theo biểu 01, Mẫu số 13, Phụ lục I

Mẫu số 16, Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-VTF	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ …….

.....

Theo đề nghị của ….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ [tên nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích] thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ..., với một số nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ:.....
2. Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ thực hiện:.....
3. Thời gian hỗ trợ:.....
4. Dự toán kinh phí:.....triệu đồng.

.....

(Chi tiết tại .... kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.....

2.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.
2. Tên các Ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu 01

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Dịch vụ: …

Thời gian thực hiện: …

(Kèm theo Quyết định số…… ngày……/……/…… của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

I. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)						Ghi chú
					Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Tổng cộng	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=5+6+7+8-9*	*11*
1											
2											
...											
	Tổng:										

II. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)						Ghi chú
					Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Tổng cộng	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=5+6+7+8-9*	*11*
1											
2											
...											
	Tổng:										

III. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Vị trí đặt CSHT	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)						Ghi chú
						Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Tổng cộng	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=6+7+8+9-10*	*12*
1												
2												
...												
	Tổng:											

Mẫu số 01, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO CHI PHÍ THUÊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Thời gian thực hiện :……..
Dịch vụ: …

(Kèm theo Văn bản số…… ngày……/……/…… của [Tên doanh nghiệp] về việc đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Các khoản chi phí thuê (nếu có)					Ghi chú
				Thuê cơ sở hạ tầng	Chi phí mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông	Thuê đường truyền dẫn	Thuê dịch vụ vệ tinh	Tổng cộng	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=4+5+6+7*	*9*
1									
2									
...									
	Tổng:								

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1), cột (2), cột (3): Ghi tên tỉnh, xã, địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột (4), (5), (6), (7): Là các khoản chi phí thuê theo quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP , Điều 6 Thông tư này và các quy định có liên quan.

Mẫu số 02, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO CHI PHÍ THUÊ ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Biểu 1 :

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI PHÍ THUÊ ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU THEO HỢP ĐỒNG SỐ: …

Dịch vụ: …

Kỳ: …

(Kèm theo Văn bản số…… ngày……/……/…… của [Tên doanh nghiệp] về việc báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng số:…)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung thuê	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đề nghị nghiệm thu	Chênh lệch	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5-6*	*8*
I	**Chi phí thuê cơ sở hạ tầng**							
1								
2	….							
II	**Chi phí mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông**							
1								
2								
….								
	Tổng:							

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1): Ghi tên nội dung thuê tương ứng với hợp đồng, hóa đơn chứng từ;
- Cột (2), cột (3), cột (4): Ghi tên tỉnh, xã, địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Cột (5): Giá trị hợp đồng thuê tương ứng với cột (4);
- Cột (6): Giá trị doanh nghiệp đề nghị nghiệm thu tương ứng với nội dung thuê cột (4), cột (5);
- Cột (7): Ghi chênh lệch.

Mẫu số 01, Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO DOANH THU PHÁT SINH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Thời gian thực hiện :……..

Dịch vụ: …

(Kèm theo Văn bản số…… ngày……/……/…… của [Tên doanh nghiệp] về việc đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Các khoản doanh thu phát sinh (nếu có)					Ghi chú
				Từ việc khai thác cơ sở hạ tầng viễn thông	Từ việc sử dụng lưu lượng	Dịch vụ viễn thông mua của nhà cung cấp khác cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông	Tổng cộng	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=4+5+6+7*	*9*
1									
2									
...									
	Tổng:								

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1), cột (2), cột (3): Ghi tên tỉnh, xã, địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột (4), (5), (6), (7): Là các khoản doanh thu phát sinh theo quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, Điều 7 Thông tư này và các quy định có liên quan.

Mẫu số 02, Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO DOANH THU PHÁT SINH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU

Biểu 1 :

BÁO CÁO CHI TIẾT DOANH THU PHÁT SINH ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU THEO HỢP ĐỒNG SỐ: …

Dịch vụ: …

Kỳ: …

(Kèm theo Văn bản số…… ngày……/……/…… của [Tên doanh nghiệp] về việc báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng số:…)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung thuê	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đề nghị nghiệm thu	Chênh lệch	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5-6*	*8*
I	**Từ việc khai thác cơ sở hạ tầng viễn thông**							
1								
2	….							
II	**Từ việc sử dụng lưu lượng**							
1								
2								
….								
III	…..							
		Tổng:						

Số tiền: …… (*Bằng chữ*:……).

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1): Ghi tên nội dung doanh thu phát sinh tương ứng với hợp đồng, hóa đơn chứng từ;
- Cột (2), cột (3), cột (4): Ghi tên tỉnh, xã, địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Cột (5): Giá trị hợp đồng doanh thu phát sinh tương ứng với cột (4);
- Cột (6): Giá trị doanh nghiệp đề nghị nghiệm thu tương ứng với nội dung doanh thu phát sinh tương ứng cột (4), cột (5);
- Cột (7): Ghi chênh lệch.

Mẫu số 01, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN…….)

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Năm 20…

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1							
2							
…							

……, ngày … tháng … năm …

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu mẫu này do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và cung cấp danh sách các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho doanh nghiệp viễn thông hằng năm.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đơn vị nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác[20].

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

[20] Được đính chính theo quy định tại STT 1.3 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo,…. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Mẫu số 02, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN……)

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TĂNG/GIẢM ĐƯỢC HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng được hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1							
2							
…							

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu mẫu này do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và cung cấp danh sách các đối tượng tăng, giảm hằng tháng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho doanh nghiệp viễn thông và lập riêng từng biểu Danh sách đối tượng tăng và Danh sách đối tượng giảm được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (nếu có).

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Mẫu số 03, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP (1)

Kính gửi(2): Doanh nghiệp/Cơ quan……

1. Phần ghi thông tin đối tượng nhận hỗ trợ

Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ/Tên đơn vị(3):.....……

Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ/đại diện đơn vị(4):.....……..

Địa chỉ thường trú(5):.....

Đối tượng nhận hỗ trợ (nếu có)(6) :…….

Đang sử dụng/dự kiến đăng ký sử dụng tại doanh nghiệp viễn thông (7)……..

2. Phần đăng ký sử dụng dịch vụ

Người đại diện đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ (8):……..…… ……..……

Số định danh cá nhân của người đại diện đăng ký thuê bao (9):…….……

Địa chỉ thường trú (10):……..

Quan hệ với đối tượng nhận hỗ trợ (11):……..

…….(12)

Hiện nay, tôi có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập do doanh nghiệp cung cấp như sau (13):

☐ Dịch vụ ..…;

☐ Dịch vụ ..…;

…

Tôi cam kết hiện tại chưa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập ở bất kỳ doanh nghiệp viễn thông nào. Tôi đề nghị doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập nêu trên để sử dụng theo chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

……., ngày … tháng … năm …

ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ(14)

(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Mục (7) chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đăng ký theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Thông tư này

Hướng dẫn ghi biểu:

(1) Phiếu này do các đối tượng nhận hỗ trợ lập khi có nhu cầu đăng ký được hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập.

(2) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập/cơ quan được giao lập danh sách[21].

(3) Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

(4) Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

(5) Ghi địa chỉ thường trú của hộ gia đình/đối tượng nhận hỗ trợ khác/đơn vị nhận hỗ trợ (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(6) Ghi loại đối tượng được hỗ trợ theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(7) Ghi tên doanh nghiệp mà đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hoặc dự kiến đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

(8) Ghi họ và tên người đại diện đứng tên đăng ký chủ thuê bao sử dụng dịch

(9) Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của người đại diện đăng ký sử dụng dịch vụ theo quy định.

(10) Ghi địa chỉ thường trú của người đại diện đăng ký sử dụng dịch vụ theo quy định (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(11) Chỉ ghi mục 11[22] nếu đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình và ghi rõ quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/thành viên…có tên trong giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ chính sách) trong trường hợp người đứng tên chủ thuê bao không phải là chủ hộ hoặc ghi chức vụ nếu là người đại diện đơn vị.

(12) Tùy thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, đối tượng nhận hỗ trợ sẽ cung cấp các thông tin đăng ký cho phù hợp.

(13) Đánh dấu dịch vụ viễn thông phổ cập có nhu cầu nhận hỗ trợ.

(14) Người đại diện nhận hỗ trợ ký và ghi rõ họ và tên và mối quan hệ với đối tượng nhận hỗ trợ.

---

[21] Được đính chính theo quy định tại STT 1.4 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[22] Được đính chính theo quy định tại STT 1.4 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 04, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN ……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*…*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1										
2										
…										

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, doanh nghiệp viễn thông/cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập (tổng hợp) danh sách đăng ký (tăng) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ các đối tượng có nhu cầu nhận hỗ trợ và gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ để xác nhận.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo,…. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

Mẫu số 04a, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN ……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng … năm …

Doanh nghiệp(*): …….

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**			**Văn bản đã xác nhận đối tượng**	**Lý do giảm**	**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, doanh nghiệp viễn thông/cơ quan được giao lập danh sách[23] các đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để thực hiện điều chỉnh giảm danh sách đối tượng đã được xác nhận; ghi lý do theo hướng dẫn tại cột (9) dưới đây.

[23] Được đính chính theo quy định tại STT 1.5 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(*) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ lập danh sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Thông tư này

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 8: Ghi số ký hiệu của Văn bản và ngày phê duyệt văn bản đã xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 9: Ghi lý do đưa đối tượng ra khỏi danh sách được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

+ Trường hợp 1: Đối tượng không còn là đối tượng hỗ trợ sử dụng viễn thông phổ cập (TH1);

+ Trường hợp 2: Đối tượng chuyển sang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp khác (TH2);

+ Trường hợp 3: Đối tượng không còn nhu cầu được hỗ trợ (TH3);

+ Trường hợp 4: Đối tượng đã quá 02 (hai tháng) kể từ ngày được xác nhận nhưng chưa sử dụng dịch vụ (TH4);

+ Trường hợp 5: Các trường hợp giảm khác theo quy định (TH5).

Mẫu số 04b, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Doanh nghiệp(*): …….

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng được hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Thông tin sau điều chỉnh**						**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Mã xã*	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	*Số định danh của đối tượng được hỗ trợ*	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	
										Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu mẫu này do doanh nghiệp viễn thông/cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin và gửi cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận.

(*) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ lập danh sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Thông tư này

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C, cột 6: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.
- Cột 1, cột 7: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2, cột 8: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3, cột 9: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 5 đến cột 10: Ghi thông tin sau điều chỉnh của đối tượng nhận hỗ trợ.

Mẫu số 05, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ …….

(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN …..)

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm....

Doanh nghiệp: ……

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng được hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**			**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*…*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1										
2										
…										

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận danh đăng ký (tăng) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập và gửi cho doanh nghiệp viễn thông, đồng thời gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo,…. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

Mẫu số 05a, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN …..)

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng … năm …

Doanh nghiệp: ……

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			Văn bản đã xác nhận đối tượng	Lý do	Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*…*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận các đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để thực hiện điều chỉnh giảm danh sách đối tượng đã được xác nhận; ghi lý do theo

hướng dẫn tại cột (9) dưới đây. Trường hợp các đối tượng không đủ điều kiện xác nhận (so với danh sách doanh nghiệp viễn thông đề xuất) thì cơ quan chuyên môn sử dụng mẫu biểu này để lập danh sách riêng gửi thông báo tới các doanh nghiệp viễn thông.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đơn vị nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của chủ hộ nếu là hộ gia đình, của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác hoặc của người đại diện đơn vị nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 8: Ghi số ký hiệu của Văn bản và ngày phê duyệt văn bản đã xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 9: Ghi lý do đưa đối tượng ra khỏi danh sách được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

+ Trường hợp 1: Đối tượng không còn là đối tượng hỗ trợ sử dụng viễn thông phổ cập (TH1);

+ Trường hợp 2: Đối tượng chuyển sang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp khác (TH2);

+ Trường hợp 3: Đối tượng không còn nhu cầu được hỗ trợ (TH3);

+ Trường hợp 4: Đối tượng đã quá 60 ngày kể từ ngày được xác nhận nhưng chưa sử dụng dịch vụ (TH4);

+ Trường hợp 5: Các trường hợp giảm khác theo quy định (TH5).

Mẫu số 05b, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN …..)

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Tháng .... năm 20...

Doanh nghiệp:……

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Thông tin sau điều chỉnh						Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		Mã xã	Họ và tên đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	
										Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu mẫu này do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cập nhật điều chỉnh thông tin và gửi cho doanh nghiệp viễn thông và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đơn vị nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.
- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của chủ hộ nếu là hộ gia đình, của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác hoặc mã định danh của đơn vị nhận hỗ trợ.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5 đến cột 11: Ghi thông tin sau điều chỉnh của đối tượng nhận hỗ trợ.

Mẫu số 01, Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Kính gửi(1): ……

1. Thông tin về đối tượng nhận hỗ trợ

Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ/Tên đơn vị(2):.....……

Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ/đại diện đơn vị(3):.....……..

Địa chỉ thường trú(4):.....

Loại đối tượng nhận hỗ trợ(5):…….

……..(6)

Hiện đang sử dụng dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông(7) ……, số thuê bao/ mã truy nhập(8) ……..

2. Thông tin về đối tượng được ủy quyền để nhận hỗ trợ (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là đối tượng nhận hỗ trợ theo quy định)

Họ và tên (9):……..…… ……...

Số định danh cá nhân của chủ thuê bao (10):……..…

Quan hệ với chủ hộ (11):……..…….

3. Thông tin tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ:

Tên chủ tài khoản (12):……..…… ……...

Số tài khoản (13):……..……...

Nơi mở tài khoản……

Hiện nay, tôi có nhu cầu nhận hỗ trợ trực tiếp kinh phí sử dụng dịch vụ …. theo chính sách của nhà nước.

Tôi làm đơn này đề nghị Quý cơ quan xác nhận cho tôi được nhận hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ nêu trên và cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

……., ngày … tháng … năm …

ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ(14)

(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Hướng dẫn ghi biểu:

(1) Ghi tên cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận.

(2) Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

(3) Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

(4) Ghi địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(5) Ghi loại đối tượng được hỗ trợ theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(6) Tùy thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, đối tượng nhận hỗ trợ sẽ cung cấp các thông tin đăng ký cho phù hợp.

(7) Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng nhận hỗ trợ.

(8) Ghi số thuê bao hoặc mã truy nhập dịch vụ viễn thông đối tượng nhận hỗ trợ đang sử dụng.

(9) Ghi họ và tên người đứng tên đăng ký chủ thuê bao sử dụng dịch vụ. (Người đứng tên chủ thuê bao phải là chủ hộ, nếu thành viên trong gia đình là chủ thuê bao thì phải ủy quyền và có xác nhận của chính quyền xã).

(10) Ghi số định danh cá nhân (ghi đủ 12 chữ số) của người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận tiền hỗ trợ (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ).

(11) Ghi rõ quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/thành viên…có tên trong giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ chính sách) (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ).

(12) Ghi tên chủ tài khoản tiếp nhận kinh phí nhận hỗ trợ.

(13) Ghi số tài khoản tiếp nhận kinh phí nhận hỗ trợ.

(14) Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình thì chủ hộ hoặc người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận tiền hỗ trợ ký và ghi rõ họ tên; đối tượng nhận hỗ trợ không phải là hộ gia đình thì đối tượng hoặc người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận tiền hỗ trợ ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số 02, Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..

(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ)

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng.... năm…..

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích		Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ				Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ			Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*Họ và tên chủ tài khoản*	*Số định danh của chủ thuê bao*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*	*Doanh nghiệp 1*	*Doanh nghiệp2*	*….*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1																
2																
…																

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Danh sách này do cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận lập theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.
- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5, cột 6: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 7: Ghi họ và tên chủ tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 8: Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 9: Ghi số tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 10: Ghi tên tổ chức tài chính/ngân hàng mà đối tượng tiếp nhận kinh phí mở tài khoản.
- Cột 11, cột 12, cột 13: Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch viễn thông công ích cho đối tượng nhận hỗ trợ.

Mẫu số 02a, Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..

(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ)

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng....năm….

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích		Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ			Văn bản đã xác nhận đối tượng	Lý do	Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*Doanh nghiệp 1*	*Doanh nghiệp2*	*….*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1														
2														
…														

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Danh sách này do cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận lập theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5, cột 6: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 7, cột 8, cột 9: Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch viễn thông công ích cho đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 10: Ghi số ký hiệu của Văn bản và ngày phê duyệt văn bản đã xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 11: Ghi lý do đưa đối tượng ra khỏi danh sách được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

+ Trường hợp 1: Đối tượng không còn là đối tượng hỗ trợ sử dụng viễn thông phổ cập (TH1);

+ Trường hợp 2: Đối tượng chuyển sang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp khác (TH2);

+ Trường hợp 3: Đối tượng không còn nhu cầu được hỗ trợ (TH3);

+ Trường hợp 4: Các trường hợp giảm khác theo quy định (TH5).

Mẫu số 02b, Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..

(CƠ QUAN CHUYÊN MÔN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ)

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Tháng....năm

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ				Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Thông tin sau điều chỉnh											Ghi chú
												Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ				Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	
				Tên xã	*Tên thôn*		*Họ và tên chủ tài khoản*	*Số định danh của chủ thuê bao*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*					*Tên xã*	*Tên thôn*		*Họ và tên chủ tài khoản*	*Số định danh của chủ thuê bao*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
1																							
2																							
…																							

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Danh sách này do cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận lập theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột B, Cột 9: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5: Ghi họ và tên chủ tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 6: Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 7: Ghi số tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 8: Ghi tên tổ chức tài chính/ngân hàng mà đối tượng tiếp nhận kinh phí mở tài khoản.
- Cột 9: Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch viễn thông công ích cho đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 10 đến cột 20: Ghi thông tin sau điều chỉnh của đối tượng nhận hỗ trợ

Mẫu số 01, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo phương án đặt hàng	*Hà Nội, ngày tháng năm ...*

Kính gửi: Các doanh nghiệp viễn thông

Căn cứ .....;

Căn cứ.....;

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thông báo phương án đặt hàng và đề nghị doanh nghiệp đăng ký đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn/năm.....Cụ thể như sau:

1. Quyết định số…../QĐ-… của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt Phương án đặt hàng kèm theo văn bản này.

2. Đề nghị doanh nghiệp căn cứ Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng thực hiện đăng ký đặt hàng giai đoạn/năm….theo các nội dung thông tin bao gồm:

2.1 Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập

a) Tên dịch vụ viễn thông phổ cập đặt hàng;

b) Dự kiến số lượng đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập;

c) Thời gian hỗ trợ sử dụng dịch vụ;

d) Dự toán đặt hàng

đ) ……..

2.2 Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc

a) Tên dịch vụ viễn thông phổ cập đặt hàng;

b) Sản lượng dịch vụ viễn thông bắt buộc;

c) Thời gian hỗ trợ sử dụng dịch vụ;

d) Dự toán đặt hàng;

đ) ……..

(Chi tiết tại biểu đính kèm)

Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các doanh nghiệp phản ảnh về Quỹ để phối hợp, hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Biểu 01

ĐĂNG KÝ ĐẶT HÀNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Thời gian thực hiện: …

(Kèm theo Văn bản số….ngày…/…/….của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Sản lượng	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*			
I	**Dịch vụ viễn thông bắt buộc**					
1						
2						
....	…….					
II	**Dịch vụ viễn thông phổ cập**					
1						
2						
....	....					
	Tổng cộng					

Ghi chú: Nếu lập cho cả giai đoạn thì sản lượng, kinh phí chi tiết theo từng năm

Mẫu số 02, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /	*Hà Nội, ngày ... tháng... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn/năm ….. thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm ….

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ ....;

.....

Theo đề nghị của ….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn/năm ….. thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm ....

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành Quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ...

GIÁM ĐỐC

PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH GIAI ĐOẠN…/NĂM …..
(Ban hành kèm theo Quyết định số…/….ngày…..tháng….năm
của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

1. Mục tiêu hỗ trợ sử dụng dịch vụ giai đoạn…, năm….

2. Phạm vi hỗ trợ:…….

3. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích

4. Dự kiến số lượng đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, sản lượng dịch vụ viễn thông bắt buộc

5. Dự toán kinh phí đặt hàng

6. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ

7. Thời gian hỗ trợ sử dụng dịch vụ

8. Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ, quy định về kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ đặt hàng và các nội dung khác.

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN KINH PHÍ PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn/Năm……
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-VTF ngày...
của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc				
	- Dịch vụ 1				
	- Dịch vụ 2				
	…				
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập				
	- Dịch vụ 1				
	- Dịch vụ 2				
	…				
…	Các nhiệm vụ hỗ trợ khác				
	Tổng cộng				

Ghi chú: Đối với năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, phương án đặt hàng cho cả giai đoạn chương trình và có chia theo từng năm.

Mẫu số 03, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Doanh nghiệp viễn thông) Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v: Đăng ký đặt hàng năm….	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ:…….;

Căn cứ .....;

Doanh nghiệp….. xin đề xuất đăng ký đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích năm…./giai đoạn… chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Đề nghị Quý Bộ xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận: - Như trên; - …….	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BIỂU 01:
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH, KINH PHÍ ĐƯỢC ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn/Năm : ……
(Kèm theo Văn bản số…… ngày / / của…..)

I. Kế hoạch sản lượng và dự toán kinh phí

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ước thực hiện kỳ trước		Kế hoạch thực hiện kỳ này		Ghi chú
				Sản lượng	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1								
2								
…..								
	Tổng cộng							

Ghi chú: Đối với năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Doanh nghiệp đề xuất đặt hàng cho cả giai đoạn chương trình có chia theo từng năm.

II. Thuyết minh phương án được đặt hàng

1. Mục tiêu hỗ trợ sử dụng dịch vụ Giai đoạn/năm….

- Chỉ tiêu hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập;
- Chỉ tiêu phổ cập;

2. Phạm vi được đặt hàng hỗ trợ:

3. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích đề xuất được đặt hàng

4. Dự kiến số lượng đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, sản lượng dịch vụ viễn thông bắt buộc đề xuất được đặt hàng

5. Dự toán kinh phí đề xuất được đặt hàng

6. Về chất lượng dịch vụ, kiểm định chất lượng dịch vụ

7. Thời gian đề xuất được hỗ trợ sử dụng dịch vụ

8. Thuyết minh về năng lực cung cấp dịch vụ (Hiện trạng hoạt động của doanh nghiệp, hiện trạng hạ tầng, phương án triển khai liên quan đến đề xuất đặt hàng)

9. Các cam kết tuân thủ khi tham gia đặt hàng

……..

BIỂU 02
ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH CHI TIẾT ĐƯỢC ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
DỊCH VỤ: .....
Kỳ thực hiện:……
(Kèm theo Văn bản số…/…ngày …tháng…..năm….của…..)

I. Kế hoạch sản lượng và dự toán kinh phí

STT	Tỉnh, thành phố (nếu có)	Ước thực hiện kỳ trước		Kế hoạch thực hiện kỳ này		Ghi chú
		Sản lượng	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1						
2						
3						
....						

II. Thuyết minh dự toán (nếu có):

……….., ngày…….tháng ….. năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04[24], Phụ lục VI

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v mời thương thảo hợp đồng đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	*Hà Nội, ngày ... tháng... năm .....*

Kính gửi: [Tên doanh nghiệp viễn thông];

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng số …./QĐ-VTF ngày… tháng… năm… của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ …

Căn cứ...

Sau khi rà soát, tổng hợp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thông báo tới Quý doanh nghiệp như sau:

1. [Tên doanh nghiệp] là doanh nghiệp đủ điều kiện đặt hàng.

2. Trân trọng kính mời [Tên doanh nghiệp] đến tham dự buổi thương thảo hợp đồng đặt hàng, cụ thể như sau:

……..

Nơi nhận: …	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** (Ký và ghi rõ họ tên)

[24] Mẫu số 04 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN "*Văn bản thông báo kết quả đánh giá phương án đặt hàng cho các doanh nghiệp*" được thay thế bằng Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN "*Mời thương thảo hợp đồng đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích*" quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

Mẫu số 05, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG
Số: /BBTT-….

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ:…….;

Căn cứ:…….;

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút ngày ... tại ...., địa chỉ: ....., chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên A: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Đại diện: Ông … Chức vụ: ...

(Giấy ủy quyền số: .../UQ-VTF ngày ... của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (nếu có)).

Địa chỉ: ....

Bên B: Tên doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng/giao nhiệm vụ

Đại diện: Ông ... Chức vụ: ...

(Giấy ủy quyền số ... ngày ... của ... (nếu có)).

Địa chỉ: ...

Hai bên đã thương thảo và thống nhất một số nội dung trong hợp đồng như sau:

1.....;

2.....

.....

Nội dung thương thảo trên được thống nhất giữa hai bên và là cơ sở để hai bên ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào ... ngày ... Biên bản thương thảo hợp đồng gồm ... trang được lập thành ... bản, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam giữ ... bản, (tên nhà thầu được giao nhiệm vụ) giữ ... bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

Mẫu số 06, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-….	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ .....;
.....
Theo đề nghị của ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích …., bao gồm một số nội dung chính sau:

1.Tên doanh nghiệp viễn thông thực hiện.....

2. Dịch vụ, sản lượng, mức hỗ trợ viễn thông công ích được đặt hàng (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

3. Thời gian thực hiện hỗ trợ (tháng):.....

4. Giá trị hợp đồng .....

5. Loại hợp đồng.....

6. Các giải pháp, điều kiện khác (nếu có):.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

…

2. Doanh nghiệp viễn thông

…

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận	**GIÁM ĐỐC**

BIỂU 01:
KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Doanh nghiệp thực hiện……
Thời gian thực hiện:……
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VTF ngày…. tháng … năm…
của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*
1						
2						
....						
	Tổng cộng					

Ghi chú: Đối với năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Doanh nghiệp đề xuất đặt hàng cho cả giai đoạn chương trình có chia theo từng năm .

Mẫu số 07, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ)

Số: ……/…….

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự.....;*

- *Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;*

- *Căn cứ ……..*

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm …., chúng tôi, đại diện cho các bên ký Hợp đồng, gồm có:

- Đại diện bên A:…….....

+ Địa chỉ: ……

+ Điện thoại: ……., Fax: ……

+ Mã số thuế (nếu có): ……

+ Tài khoản: …….....

+ Do ông, bà: …….....

+ Chức vụ: ……..... làm đại diện

- Đại diện bên B: .....

+ Địa chỉ: ……

+ Điện thoại: ……., Fax: ……

+ Mã số thuế: ……

+ Tài khoản: ……

+ Do ông (bà): ..……

+ Chức vụ: ……. làm đại diện

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích với các nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

.....

Điều 2. Đối tượng Hợp đồng

1. Bên B nhận hỗ trợ sử dụng các dịch vụ viễn thông phổ cập cho các đối tượng sau đây:

…..

…..

2. Yêu cầu chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp đồng này.

3. Số lượng, sản lượng, khối lượng dịch vụ và địa bàn, khu vực cung cấp dịch vụ tại các phụ lục kèm theo hợp đồng này…….

4. Thời gian đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

……..

Điều 3. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng gồm:

1. Văn bản Hợp đồng;

2. Các Phụ lục kèm theo Hợp đồng (các phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng và được các bên ký hợp đồng cụ thể hóa phù hợp với chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích).

3. Các thỏa thuận (nếu có) giữa hai bên tiến hành theo đúng các quy định của Hợp đồng.

Điều 4. Tiêu chuẩn chất lượng

Bên B đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập nêu tại Điều 2 của Hợp đồng đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, cụ thể:

…..

Điều 5. Giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ

……

Điều 6. Giá trị Hợp đồng

1. Tổng giá trị của Hợp đồng là (tạm tính):..... đồng.

(Số tiền bằng chữ:.....)

Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Hợp đồng (các phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng và được các bên ký hợp đồng cụ thể hóa phù hợp với chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích).

2. Nội dung xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

…….

Điều 7. Loại Hợp đồng

…..

Điều 8. Tạm ứng, thanh toán kinh phí thực hiện Hợp đồng

……

Điều 9. Trách nhiệm của Bên B

……..

Điều 10. Trách nhiệm của Bên A

……..

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

1. Hai bên không được tự ý sửa đổi, bổ sung các nội dung Hợp đồng đã ký kết.

2. Khi một bên có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng thì phải thông báo để bên kia tiến hành thương thảo thay đổi nội dung Hợp đồng đã ký kết. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, Bên nhận được đề nghị có trách nhiệm trả lời bên kia các ý kiến cần sửa đổi.

3. Mọi thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được hai bên thể hiện bằng Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng và được lập thành Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng được hai bên ký kết và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 12. Xử lý vi phạm Hợp đồng

1. Vi phạm từ Bên B:

2. Vi phạm từ Bên A:

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng

Điều 14. Chấm dứt Hợp đồng

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Điều 16. Quy định về nghiệm thu kết quả, xác định giá trị thực hiện Hợp đồng, thanh lý Hợp đồng

Điều 17. Các nội dung khác (nếu có)

Điều 18. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày……

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi:

a) Hai bên hoàn thành thanh lý Hợp đồng;

b) Hợp đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu;

c) Các trường hợp khác.

Hợp đồng được lập thành … bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bản có … trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến …. trang (bao gồm cả các Phụ lục Hợp đồng) mỗi bên giữ … bản, một bản gửi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

(Ngoài các nội dung trên các bên ký hợp đồng có thể quy định bổ sung các nội dung khác không trái quy định của pháp luật).

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỐ LIỆU ĐẶT HÀNG SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Kèm theo Hợp đồng số……. ngày…. tháng … năm…..)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*
1						
2						
....						
	Tổng cộng					

Ghi chú: Đối với năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, số liệu đặt hàng cho cả giai đoạn chương trình có chia theo từng năm

Mẫu số 08, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Doanh nghiệp viễn thông) Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
V/v: Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: ……

Căn cứ Hợp đồng số….;

Căn cứ …….....;

(Doanh nghiệp) báo cáo (tên Bên A) về kết quả thực hiện hợp đồng số ….. ngày….tháng….năm….giữa (tên Bên A) và (tên Bên B) về hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích kỳ báo cáo: …….

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Đề nghị (tên Bên A) tổ chức nghiệm thu, xác định giá trị khối lượng hoàn thành và thực hiện thanh toán kinh phí cho (tên Bên B) theo quy định của pháp luật.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01:

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Hợp đồng số …/….

Kỳ báo cáo: Từ tháng….đến tháng…….

(Kèm theo Văn bản số…/….ngày…tháng…năm….của….)

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số liệu theo hợp đồng		Số liệu thực hiện đề nghị nghiệm thu kỳ này	
			Sản lượng	*Kinh phí (Đồng)*	*Sản lượng*	*Kinh phí (Đồng)*
A	B	C	1	2	3	4
1						
2						
....						
	Tổng số					

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 02:
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Dịch vụ: …….
Kỳ báo cáo: Từ tháng….đến tháng…….
(Kèm theo văn bản số…… ngày….tháng….năm…. của…..)

STT	**Mã tỉnh/ Thành phố**	**Tên tỉnh/ Thành phố (nếu có)**	**Sản lượng thực hiện (ĐVT)**				**Kinh phí hỗ trợ (đồng)**				**Ghi chú**
			Tháng thứ nhất	…	*Tháng thứ sáu*	**Tổng**	*Tháng thứ nhất*	…	*Tháng thứ sáu*	**Tổng**	
A	B	C	*1*	..	*6*	*7=1+..+6*	*8*	…	*13*	*14=8+..+13*	*15*
1											
2											
3											
		Tổng cộng									

……, ngày……tháng ….. năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 03

Doanh nghiệp …….

BÁO CÁO CHI TIẾT SẢN LƯỢNG THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG BẮT BUỘC

Dịch vụ: …….

Kỳ báo cáo: Từ tháng….đến tháng…….

(Kèm theo văn bản số .../... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Tỉnh, thành phố	Số gọi đi (nếu có)	Số gọi đến/số nhận tin nhắn	Ngày bắt đầu	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian liên lạc (nếu có)	Số phút làm tròn theo quy định (nếu có)	Văn bản giao nhiệm vụ (nếu có)
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1									
2									
3									
...									

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Biểu này dùng để báo cáo kết quả thực hiện các dịch vụ có thời gian thực hiện dịch vụ như dịch vụ viễn thông khẩn cấp/tin nhắn/....

Cột 1: Ghi thông tin số thuê bao gọi đi (nếu có);

Cột 2: Ghi thông tin số thuê bao gọi đến;

Cột 3: Ghi ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ (ghi rõ theo định dạng DD/MM/YYYY);

Cột 4: Ghi thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ (ghi rõ theo định dạng HH:MM:SS);

Cột 5: Ghi thời gian kết thúc thực hiện dịch vụ (ghi rõ theo định dạng HH:MM:SS);

Cột 6: Ghi tổng thời gian thực hiện dịch vụ (nếu có);

Cột 7: Ghi thời gian số phút thực hiện dịch vụ được làm tròn theo quy định (nếu có).

BIỂU 04

Doanh nghiệp …….

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Dịch vụ: …….

Kỳ báo cáo: Từ tháng….đến tháng…….

(Kèm theo văn bản số .../... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã tỉnh	Mã xã	Thông tin đối tượng nhận hỗ trợ	Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ	Số hợp đồng	Số thuê bao/mã truy nhập	Gói cước (nếu có)	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	….	….	Số tiền sử dụng thực tế (đồng)			Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)			Số hóa đơn			Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ít hơn 15 ngày			Ghi chú
								Tên xã	*Tên thôn*				*Tháng thứ nhất*	*...*	*Tháng thứ sáu*	*Tháng thứ nhất*	*...*	*Tháng thứ sáu*	*Tháng thứ nhất*	*...*	*Tháng thứ sáu*	*Tháng thứ nhất*	*...*	*Tháng thứ sáu*	
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1																									
2																									
…																									

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn cách ghi biểu</u>:

- Cột B, cột C: Ghi mã số theo quy định của tỉnh, xã địa chỉ thường trú.

- Cột D: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi số hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- Cột 3: Ghi thông tin số thuê bao/mã truy nhập dịch vụ được hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi thông tin gói cước sử dụng dịch vụ (nếu có).
- Cột 5: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 6: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 7: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 10, cột 11, cột 12: Ghi giá trị cước phát sinh do khách hàng sử dụng dịch vụ.
- Cột 13, cột 14, cột 15: Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.
- Cột 16, cột 17, cột 18: Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.
- Cột 19, cột 20, cột 21: Đánh dấu (x) trong trường hợp đối tượng được cung cấp dịch vụ ít hơn 15 ngày.

BIỂU 05

Các báo cáo về chất lượng dịch vụ viễn thông công ích đã cung cấp cho các đối tượng sử dụng

1. Quy chuẩn chất lượng dịch vụ áp dụng theo quy định

…….

2. Các báo cáo chất lượng dịch vụ kỳ báo cáo

……..

Mẫu số 09, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Hợp đồng số: …/…..)

Căn cứ ……;

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện Bên A: …….

+ Ông/bà……., chức vụ …… . . . ……..…….

+ Ông/bà……., chức vụ ……..

+ ……..

- Đại diện Bên B: …… ……

+ Ông/bà……., chức vụ …….

+ Ông/bà……., chức vụ ……

+ ……

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng, xác định giá trị khối lượng dịch vụ hoàn thành từ tháng ….đến tháng …..năm …..theo hợp đồng như sau:

1. Tên dịch vụ viễn thông công ích….

a) Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo hợp đồng.

b) Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích báo cáo đã hoàn thành cung cấp.

c) Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích hoàn thành được nghiệm thu.

d) Chất lượng dịch vụ viễn thông công ích đã thực hiện.

đ) Nội dung khác (nếu có).

* Ý kiến của Bên A.

* Ý kiến của Bên B.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

2. Tên dịch vụ viễn thông công ích ……

(nội dung nghiệm thu như điểm 1 nêu trên).

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01:

SẢN LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Kỳ nghiệm thu: Từ…tháng....đến tháng……

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu.....ngày....tháng…năm.....)

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số liệu trong Hợp đồng		Số liệu đề nghị nghiệm thu		Số liệu nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
			Sản lượng, khối lượng	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Giá trị (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5-3*	*8=6-4*	*9*
1											
2											
3											
….											
	Tổng cộng										

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 02:

SẢN LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HỖ TRỢ SỬ DỤNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Dịch vụ ….....

Kỳ nghiệm thu: Từ…tháng....đến tháng……

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu… ngày….tháng…năm….)

STT	Mã tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/Thành phố (nếu có)	Mức hỗ trợ	Số đề nghị nghiệm thu		Số nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
				Sản lượng, Khối lượng	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Giá trị (đồng)*	
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3-1*	*6=4-2*	*7*
1										
2										
3										
….										
		Tổng cộng								

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 10, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số:.../BBTLHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Hợp đồng số:…..

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Hợp đồng số …….;

Căn cứ …….;

Hôm nay, ngày.... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: ……..
+ Địa chỉ: ……..…

+ Điện thoại: …….., Fax: ……

+ Mã số thuế (nếu có): ……

+ Tài khoản: ……nơi mở……

+ Do ông (bà): ……

+ Chức vụ: …… làm đại diện

- Đại diện bên B: …… ……

+ Địa chỉ: ……

+ Điện thoại: …….., Fax: ……

+ Mã số thuế: ……

+ Tài khoản: ……nơi mở……

+ Do ông (bà): ……

+ Chức vụ: …….. làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích số …. với các nội dung như sau:

1. Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo hợp đồng.

2. Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích báo cáo đã hoàn thành cung cấp.

3. Sản lượng, khối lượng kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích hoàn thành được nghiệm thu.

4. Giá trị hợp đồng: ……

5. Giá trị thanh toán: ……

6. Kinh phí đã tạm ứng: ……

7. Giá trị quyết toán:……

7. Kinh phí còn phải thanh toán: ……

(Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật).

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 11, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …..…./……. V/v: Thông báo dự kiến giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: Các doanh nghiệp viễn thông

Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ….;

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo dự kiến giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện trong kỳ ….

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông căn cứ các quy định của pháp luật liên quan và khả năng thực hiện của doanh nghiệp đăng ký thực hiện nhiệm vụ…..

……

Thời gian gửi đăng ký thực hiện nhiệm vụ: Trước ngày….tháng….năm….;

Nơi nhận đăng ký của doanh nghiệp: ……..

Trân trọng./.

Nơi nhận: - Như trên; - Quỹ DV VTCI VN; - …….	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BIỂU 01:

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Năm**: ……**

(Kèm theo văn bản số …. ngày…. tháng….năm…. của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	**Tên dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Sản lượng, khối lượng**				**Địa bàn, khu vực hỗ trợ**	**Ghi chú**
			Đối tượng 1	*Đối tượng 2*	*Đối tượng….*	*Tổng*		
1								
2								
……								
	Tổng cộng							

Mẫu số 12, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Doanh nghiệp viễn thông)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……./…….	*....., ngày... tháng.... năm .....*
V/v: Đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm….;

Căn cứ …..;

1. (Doanh nghiệp) đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
2. Thuyết minh, tài liệu hồ sơ kèm theo (nếu có).

Kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

BIỂU 01:
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Thời gian thực hiện:……
(Kèm theo Văn bản số…ngày…tháng….năm.....của.....)

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Ước thực hiện kỳ trước			Dự toán thực hiện kỳ này			Ghi chú
			Sản lượng, khối lượng	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3=1x2*	*4*	*5*	*6=4x5*	*7*
1									
2									
3									
....									
	Cộng								

……..., ngày…….tháng ..... năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 02:
KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Dịch vụ: .....
Thời gian thực hiện:…….
(Kèm theo Văn bản số……..)

I. Dự toán kinh phí

STT	Tỉnh, thành phố (nếu có)	Ước thực hiện kỳ trước			Dự toán thực hiện kỳ này			Ghi chú
		Sản lượng, khối lượng	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng, khối lượng*	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3=1x2*	*4*	*5*	*6=4x5*	*7*
1								
2								
3								
....								

……….., ngày…….tháng ….. năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. Thuyết minh dự toán:

Mẫu số 13, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /	
V/v: Thông báo tiếp nhận đăng ký thực hiện nhiệm vụ	*Hà Nội, ngày ... tháng... năm .....*

Kính gửi: Doanh nghiệp viễn thông……

Ngày..../..../...., Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận đăng ký thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp ....., như sau:

☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính….

☐ Hình thức trực tuyến……

☐ Hình thức trực tiếp…….

Căn cứ Thông tư….., Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam rà soát hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp viễn thông…..

Trân trọng!

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	
- ……	

Mẫu số 14, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Giao nhiệm vụ cho [tên doanh nghiệp] thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích
Thời gian thực hiện:……

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ .....
.....
Theo đề nghị của …..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho [tên doanh nghiệp] thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện trong thời gian..... .

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

…

2. Doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ

…

3. ……

…

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**

BIỂU 01:
NHIỆM VỤ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN……

Thời gian thực hiện:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày….tháng … năm… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	**Tên dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Sản lượng, khối lượng**			**Địa bàn, khu vực hỗ trợ**	**Ghi chú**
			Đối tượng 1	*Đối tượng 2*	*Đối tượng….*		
1							
2							
.....							
	Tổng cộng						

Mẫu số 15, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-VTF	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Kỳ thực hiện:……

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ .....;.

....

Theo đề nghị của ….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện trong kỳ..... cho các doanh nghiệp.

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

…

2. Doanh nghiệp viễn thông

…

3. ……

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

BIỂU 01:
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN……

Thời gian thực hiện:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VTF ngày….tháng … năm… của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng, khối lượng	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí (đồng)	Địa bàn, khu vực hỗ trợ	Ghi chú
1							
2							
....							
	Tổng cộng						

Mẫu số 16, Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THÔNG TIN
KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ……SỐ……
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM……..
NĂM……
DOANH NGHIỆP……..

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-TTg ngày.... tháng .... năm ... .của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích …….;

Căn cứ .....

Căn cứ Hợp đồng số.....

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam công khai thông tin kết quả thực hiện Hợp đồng .....số....giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và *[Tên doanh nghiệp viễn thông]* ngày ...../...../....., như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dịch vụ	Giá trị Hợp đồng / Phụ lục HĐ năm... (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện năm... (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện / giá trị Hợp đồng năm... (%)	Ghi chú
1	Dịch vụ 1				
2	Dịch vụ 1				
	.....				
	Tổng cộng				

Ngày…..Tháng….Năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Mẫu số 01, Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-VTF	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Kỳ thực hiện:…….

GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ .....;

....

Theo đề nghị của ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ..…. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1.Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

2.……

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

BIỂU 01:
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Thời gian thực hiện:…….

(Kèm theo Quyết định số…ngày…tháng…năm của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	**Dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Sản lượng, khối lượng**	**Mức hỗ trợ (đồng)**	**Kinh phí (đồng)**	**Ghi chú**
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*
1	Dịch vụ ……					
2	Dịch vụ ……					
....						
	Tổng cộng					

Mẫu số 02, Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DANH SÁCH CHI TRẢ KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH BẰNG TIỀN CHO ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ

(Kèm theo văn bản số…… ngày….tháng….năm…. của…..)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**		**Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ**				**Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**			**Số tiền đã chuyển khoản**				**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*Họ và tên chủ tài khoản*	*Số định danh của chủ thuê bao*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*	*Doanh nghiệp 1*	*Doanh nghiệp2*	….	Tháng ….	….	Tháng ….	Tổng cộng	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1																				
2																				
…																				

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01, Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Kính gửi(1): ……

1. Thông tin về đối tượng nhận hỗ trợ

Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ(2):.....

Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ(3):.....

Địa chỉ thường trú(4):.....

Đối tượng nhận hỗ trợ(5):…….

Đang sử dụng/dự kiến đăng ký sử dụng tại doanh nghiệp viễn thông(6)……..

2. Thông tin về người thuộc hộ gia đình được ủy quyền để làm thủ tục và nhận hỗ trợ (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ)

Họ và tên người được ủy quyền(7):……..…… ……...

Số định danh cá nhân của người được ủy quyền (8):……..…

Quan hệ với chủ hộ (9):……..

3. Thông tin đối tượng nhận kinh phí hỗ trợ:

Tên chủ tài khoản (10):……..…… ……...

Số tài khoản (11):……..…… ……...

Nơi mở tài khoản:……..…… ……...

Hiện nay, tôi có nhu cầu nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối để sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo chính sách của nhà nước.

Tôi đề nghị được hỗ trợ thiết bị đầu cuối để sử dụng cho gia đình; cam kết không bán, cho, tặng, sử dụng vào mục đích khác khi nhận thiết bị đầu cuối được hỗ trợ; cam kết sẽ sử dụng dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn.

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

……., ngày … tháng … năm …

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ(12)

(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Mục 3 chỉ áp dụng đối với trường hợp Hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức giao nhiệm vụ và hỗ trợ trực tiếp

Hướng dẫn ghi biểu:

(1) Ghi tên cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ.

(2) Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

(3) Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

(4) Ghi địa chỉ thường trú của hộ gia đình/đối tượng nhận hỗ trợ khác (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(5) Ghi loại đối tượng được hỗ trợ theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(6) Ghi tên doanh nghiệp mà đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hoặc dự kiến đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối (đối với trường hợp chưa nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập).

(6) [25]Ghi tên doanh nghiệp mà đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hoặc dự kiến đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối (đối với trường hợp chưa nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập).

(7) Ghi họ và tên người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận hỗ trợ (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ).

(8) Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận hỗ trợ (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ).

(9) Ghi rõ quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/thành viên…có tên trong giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ chính sách) (dành cho trường hợp người làm thủ tục đăng ký không phải là chủ hộ).

(10) Ghi tên chủ tài khoản tiếp nhận kinh phí nhận hỗ trợ đối với phương thức hỗ trợ trực tiếp.

(11) Ghi số tài khoản tiếp nhận kinh phí nhận hỗ trợ đối với phương thức hỗ trợ trực tiếp.

(12) Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình thì chủ hộ hoặc người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận tiền hỗ trợ ký và ghi rõ họ tên; đối tượng nhận hỗ trợ không phải là hộ gia đình thì đối tượng hoặc người được ủy quyền để làm thủ tục và nhận tiền hỗ trợ ký và ghi rõ họ tên.

---

[25] Được đính chính theo quy định tại STT 1.6 phần II (Chi tiết biểu mẫu) Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 02, Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ	Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ				Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*			*Tên chủ tài khoản*	*Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột 6 đến cột 9 chỉ áp dụng đối với trường hợp Hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức giao nhiệm vụ và hỗ trợ trực tiếp

Hướng dẫn cách ghi biểu: Danh sách này do UBND cấp tỉnh lập gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5: Ghi tên doanh nghiệp mà đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hoặc dự kiến đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để nhận hỗ trợ thiết bị đầu cuối.
- Cột 6: Ghi họ và tên chủ tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 7: Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 8: Ghi số tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.
- Cột 9: Ghi tên tổ chức tài chính/ngân hàng mà đối tượng tiếp nhận kinh phí mở tài khoản.

Mẫu số 01, Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BKHCN	*....., ngày... tháng.... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ……

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ .....;

.....

Theo đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích .....cho **[Doanh nghiệp]**

Điều 2. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích .....], cụ thể:

.....

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1…….

2……..

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận	**BỘ TRƯỞNG**

BIỂU 01:
KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Ban hành kèm theo Quyết định số .... ngày... tháng.... năm ...
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	**Tỉnh, Thành phố**	**Số lượng**				*Mức kinh phí hỗ trợ*	*Dự toán (đồng)*	**Ghi chú**
		Đối tượng ..	*Đối tượng ..*	*....*	*Tổng số*			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1								
2								
	……							
	Tổng cộng							

Mẫu số 02, Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Số:……..

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*
- *Căn cứ ……;*

Hôm nay, ngày tháng năm …., chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng, gồm có:

- Đại diện bên A: ……
+ Địa chỉ: ……
+ Điện thoại: ……., Fax: ……
+ Mã số thuế (nếu có): ……
+ Tài khoản: ……nơi mở……
+ Do ông, bà: ……
+ Chức vụ: ……. làm đại diện
- Đại diện bên B (Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối): …
+ Địa chỉ: ……
+ Điện thoại: ……., Fax: ……
+ Mã số thuế: ……
+ Tài khoản: ……nơi mở……
+ Do ông (bà): ..……..
+ Chức vụ: ……. làm đại diện

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối với các nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Điều 2. Đối tượng Hợp đồng

….

Điều 3. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng gồm:

1. Văn bản Hợp đồng;

2. Các Phụ lục kèm theo Hợp đồng (các phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng và được các bên ký hợp đồng cụ thể hóa phù hợp với chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích).

3. Các thỏa thuận (nếu có) giữa hai bên tiến hành theo đúng các quy định của Hợp đồng.

Điều 4. Khu vực, địa điểm hỗ trợ thiết bị đầu cuối

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng: …….

Điều 6. Giá Hợp đồng

1. Tổng giá trị của Hợp đồng là (tạm tính):..... đồng.

(Số tiền bằng chữ:.....)

Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Hợp đồng (các phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng và được các bên ký hợp đồng cụ thể hóa phù hợp với chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích).

2. Nội dung xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Tạm ứng, thanh toán kinh phí thực hiện Hợp đồng

……

Điều 8. Trách nhiệm của Bên B

……..

Điều 9. Trách nhiệm của Bên A

……..

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

1. Hai bên không được tự ý sửa đổi, bổ sung các nội dung Hợp đồng đã ký kết.

2. Khi một bên có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng thì phải thông báo để bên kia tiến hành thương thảo thay đổi nội dung Hợp đồng đã ký kết. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, Bên nhận được đề nghị có trách nhiệm trả lời bên kia các ý kiến cần sửa đổi.

3. Mọi thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được hai bên thể hiện bằng Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng và được lập thành Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng được hai bên ký kết và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 11. Vi phạm Hợp đồng

1. Vi phạm từ Bên B:

2. Vi phạm từ Bên A:

Điều 12. Thủ tục chấm dứt Hợp đồng do vi phạm

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Điều 15. Phối hợp làm việc và tổ chức thanh lý Hợp đồng

Điều 16. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày……

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi:

a) Hai bên hoàn thành thanh lý Hợp đồng;

b) Hợp đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu.

Hợp đồng được lập thành …. bộ, mỗi bộ có … trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang (bao gồm cả các Phụ lục Hợp đồng) mỗi bên giữ 04 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

(Ngoài các nội dung trên các bên ký hợp đồng có thể quy định bổ sung các nội dung khác không trái quy định của pháp luật).

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**

BIỂU 01:

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỐ LIỆU SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Ban hành kèm theo Hợp đồng ....)

STT	**Tỉnh, Thành phố**	**Số lượng**				*Mức kinh phí hỗ trợ*	*Dự toán (đồng)*	**Ghi chú**
		Đối tượng ..	*Đối tượng ..*	*....*	*Tổng số*			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1								
2								
	……							
	Tổng cộng							

Mẫu số 03, Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Doanh nghiệp viễn thông) Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v: Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối	

Kính gửi: …….

Căn cứ Hợp đồng số….;

Căn cứ …….....;

(Doanh nghiệp) báo cáo (tên Bên A) về kết quả thực hiện hợp đồng số ….. ngày….tháng….năm….giữa (tên Bên A) và (tên Bên B) về hỗ trợ thiết bị đầu cuối …..

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Đề nghị (tên Bên A) tổ chức nghiệm thu, xác định giá trị khối lượng hoàn thành và thực hiện thanh toán kinh phí cho (tên Bên B) theo quy định của pháp luật.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:	**Thủ trưởng cơ quan** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

BIỂU 01:
BÁO CÁO THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
Thời gian thực hiện: …..
(Kèm theo Văn bản số…… ngày / / của…..)

STT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu hợp đồng		Số liệu đề nghị nghiệm thu		Ghi chú
		Số lượng	*Kinh phí (đồng)*	*Số lượng*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1	**…**					
2	…					
3	**….**					
….	**…**					
	Tổng cộng					

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU 02
BÁO CÁO DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI BẰNG TIỀN

Thời gian thực hiện: ….

(Kèm theo Văn bản số…… ngày / / của…..)

STT	Tên tỉnh	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Số tiền nhận hỗ trợ	Ghi chú
					Tên xã	*Tên thôn*			
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1.									
….									
Tổng cộng									

……....., ngày…..tháng ….. năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn cách ghi biểu:</u>

- Cột C: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột D: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5: Ghi số tiền đã chi hỗ trợ cho đối tượng theo quy định.

Mẫu số 04, Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
HỢP ĐỒNG SỐ: ……..

Căn cứ ……

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện Bên A: ……..

+ Ông/bà……., chức vụ …… . . . ……

+ Ông/bà……., chức vụ ……..

+ ……

- Đại diện Bên B (Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối):…….

+ Ông/bà……., chức vụ ……

+ Ông/bà……., chức vụ ……

+ ……

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và xác định giá trị khối lượng thiết bị đầu cuối theo hợp đồng như sau:

1. Tên thiết bị đầu cuối.

a) Khối lượng.

b) Khối lượng đã hoàn thành cung cấp.

c) Khối lượng được nghiệm thu.

d) Chất lượng.

đ) Nội dung khác (nếu có).

* Ý kiến của Bên A.

* Ý kiến của Bên B.

2. Tên thiết bị đầu cuối.

(nội dung nghiệm thu như điểm 1 nêu trên).

.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01:
NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI THEO ĐỊA BÀN

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu… ….. ngày …. tháng …. năm ….)

STT	Tỉnh/thành phố	Số liệu Hợp đồng		Số liệu đề nghị nghiệm thu		Số liệu nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
		Sản lượng	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng*	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng*	*Giá trị (đồng)*	*Sản lượng*	*Giá trị (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5-3*	*8=6-4*	*9*
1										
2										
3										
….	…									
	Tỉnh…..									
	Tổng cộng									

Mẫu số 05, Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;
Căn cứ Hợp đồng số …….;
Căn cứ …….;
Hôm nay, ngày.... tháng... năm... chúng tôi gồm có:
- Đại diện bên A:
+ Địa chỉ: ……..…….
+ Điện thoại: …….., Fax: …….
+ Mã số thuế (nếu có): ……..
+ Tài khoản: ……nơi mở……..
+ Do ông (bà): …….
+ Chức vụ: …… làm đại diện
- Đại diện bên B: (Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối):……
+ Địa chỉ: ……..
+ Điện thoại: …….., Fax: …….
+ Mã số thuế: ……
+ Tài khoản: ……nơi mở……
+ Do ông (bà): ……
+ Chức vụ: …….. làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết biên bản thanh lý hợp đồng hỗ trợ thiết bị đầu cuối số …. với các nội dung như sau:
- Sản lượng theo hợp đồng: ……..
- Sản lượng được nghiệm thu: …….
- Mức hỗ trợ theo quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ:……..
- Giá hợp đồng: ……..
- Giá trị thanh toán: …….
- Kinh phí đã tạm ứng: ……
- Giá trị quyết toán:…….
- Kinh phí còn thanh toán: …….

(Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật).

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 01, Phụ lục X

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-…	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ .....;

.....

Theo đề nghị của ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo phương thức hỗ trợ trực tiếp thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích …..

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1……..

2……

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các đơn vị…., Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận **BỘ TRƯỞNG**

BIỂU 01:
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
(Kèm theo Quyết định số…… ngày / / của…..)

STT	Tỉnh/thành phố	Đơn vị tính	Sản lượng	Mức kinh phí hỗ trợ	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*
1	……..					
2	……					
....						
	Tổng cộng					

Mẫu số 02, Phụ lục X

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DANH SÁCH CHI TRẢ KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI BẰNG TIỀN CHO ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ

Kỳ báo cáo: Từ…tháng....đến tháng……

(Kèm theo văn bản số…… ngày….tháng….năm…. của…..)

STT	**Mã xã**	**Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Thông tin tài khoản nhận hỗ trợ**				**Tháng nhận hỗ trợ**	**Số tiền đã chuyển khoản**	**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Tên chủ tài khoản*	*Số định danh của chủ tài khoản*	*Số tài khoản*	*Nơi mở tài khoản*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM** Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng.... năm .....*
V/v: Đề nghị phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện chương trình	

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ Thông tư số …..ngày …/…./…. của Bộ Khoa học và Công nghệ ……;

Căn cứ …….....;

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán kinh phí thu đóng góp thực hiện chương trình ….như sau: …

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

DỰ TOÁN KINH PHÍ THU ĐÓNG GÓP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG GIAI ĐOẠN…

TT	Doanh nghiệp viễn thông	Kinh phí thu đóng góp dự kiến (triệu đồng)						Ghi chú
		Năm …	Năm …	Năm …	Năm …	Năm …	Tổng số	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
…								
	Tổng cộng							

Mẫu số 02, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày … tháng… năm .....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán thu đóng góp thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ ….. …….

.....

Theo đề nghị của ……. ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu đóng góp chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ....

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành Quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ...

BỘ TRƯỞNG

DỰ TOÁN THU ĐÓNG GÓP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG GIAI ĐOẠN…

TT	Doanh nghiệp viễn thông	Kinh phí thu đóng góp dự kiến (triệu đồng)						Ghi chú
		Năm …	Năm …	Năm …	Năm …	Năm …	Tổng số	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
…								
	Tổng cộng							

Mẫu số 03, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
[CƠ QUAN CHUYÊN MÔN …….]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ HIỆN TRẠNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH TẠI KHU VỰC KHÓ KHĂN ĐƯỢC PHỔ CẬP DỊCH VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH... TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH...

(Kèm theo Văn bản số ….ngày…./…./…..của….)

Tên dịch vụ viễn thông công ích:.....

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Hải đảo, nhà giàn , biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Số hộ dân	Số dân	Tình trạng điện lưới	Hiện trạng địa bàn chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông, thì đề xuất tọa độ CSHT dự kiến đặt CSHT	Hiện trạng địa bàn đã được cung cấp dịch vụ viễn thông							Tên xã (trước sáp nhập)	Tên địa bàn, khu vực (trước sáp nhập)	Ghi chú
										Doanh nghiệp 1	Tọa độ CSHT 1	Doanh nghiệp 2	Tọa độ CSHT 2	….	Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ	Đề xuất nâng cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp Bản đồ số theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu này được sử dụng nhằm cung cấp các thông tin về hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại tất cả các địa bàn, khu vực quy định tại Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.

Cột (2), (3), (4): Ghi tên Tỉnh, Xã, địa bàn, khu vực thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;
Cột (5): Ghi (X) nếu cột (4) thuộc khu vực Hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
Cột (6): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Cột (7) Điền tổng số hộ dân trên địa bàn, khu vực;
Cột (8): Điền tổng số dân cư trên địa bàn, khu vực;
Cột (9): Đánh dấu (X) nếu địa bàn, khu vực có điện lưới;
Cột (10): Ghi tọa độ (kinh độ, vĩ độ) của vị trí dự kiến đặt cơ sở hạ tầng theo hướng dẫn thực hiện chương trình;
Cột (11), Cột (13): Đánh dấu (X) nếu doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
Cột (12), (cột 14): Ghi tọa độ (kinh độ, vĩ độ) của vị trí đặt cơ sở hạ tầng theo hướng dẫn thực hiện chương trình;
Cột (16): Điền thời điểm doanh nghiệp bắt đầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa bàn, khu vực;
Cột (17): Đề xuất nâng cấp (nếu có);
Cột (18), cột (19): Ghi tên Xã, địa bàn, khu vực thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (trước khi sáp nhập).

Mẫu số 04, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

[TÊN DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO NỘI DUNG KHẢO SÁT, BÁO GIÁ[1]

PHỤC VỤ LẬP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Kính gửi: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

I. Thông tin về doanh nghiệp

…….

II. Nội dung báo cáo

1. Thông tin cơ bản về việc cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

- Tên dịch vụ viễn thông phổ cập: …[Ghi tên dịch vụ cung cấp báo giá]

- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các yêu cầu về phổ cập dịch vụ:

……

3. Khu vực cung cấp dịch vụ, số lượng công trình đường truyền dẫn

…….

4. Báo cáo chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

Tổng dự toán (báo giá): ……...……. đồng.

(số tiền bằng chữ:……..)

(Chi tiết tại các Biểu kèm theo)

5.Hồ sơ tài liệu cần cung cấp:

Đối với công trình/hạng mục công trình tại từng thôn, bản/ vị trí khác: Cung cấp hồ sơ tài liệu, thuyết minh dự toán (nếu có) theo hướng dẫn thực hiện chương trình.

[1] Mẫu này dùng để doanh nghiệp viễn thông lập báo giá cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

BIỂU 01

BẢNG KHẢO SÁT DỰ TOÁN CHI PHÍ, BÁO GIÁ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ DUY TRÌ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG VIỄN THÔNG ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Dịch vụ :…….

Thời gian thực hiện: .....

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Năm ….						Năm ….						Tổng cộng						Ghi chú
				Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh dự kiến	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)+(7)+(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(11)+(12)+(13)+(14)-(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1																						
2																						
…																						
			Tổng cộng						**[Tổng số]**						**[Tổng số]**						**[Tổng số]**	

Tổng chi phí cung cấp DVVT công ích: ……..đồng;

Thuế VAT (nếu có):…….....đồng;

Tổng dự toán chi phí: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2), (3), (4):Ghi tên tỉnh, tên xã, tên địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích vào các cột tương ứng (theo đơn vị hành chính mới);
- Cột (5), cột (11)[27]: Ghi tổng chi phí khấu hao các hạng mục công trình viễn thông triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm;
- Cột (6), cột (12)[28]: Ghi tổng chi phí duy trì các hạng mục công trình viễn thông dự kiến triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm;
- Cột (7), cột (13)[29]: Ghi tổng chi phí thuê các hạng mục công trình viễn thông và chi phí thuê khác của địa bàn, khu vực trong năm;
- Cột (8), cột (14)[30]: Ghi tổng chi phí khác của các địa bàn, khu vực trong năm;
- Cột (9), cột (15): Ghi doanh thu phát sinh dự kiến của các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai;
- Cột (10), cột (16): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong năm được kê khai;
- Cột (17) đến cột (23): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong các năm.

[27] Được đính chính theo quy định tại STT 1.7 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
[28] Được đính chính theo quy định tại STT 1.7 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
[29] Được đính chính theo quy định tại STT 1.7 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
[30] Được đính chính theo quy định tại STT 1.7 phần II (Chi tiết biểu mẫu) mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 05, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH/DOANH NGHIỆP
Số: …..…./…….

V/v: Đề xuất đối tượng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện chương trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm .....

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ …….;

…..

Ủy ban nhân dân tỉnh…./Doanh nghiệp… đề xuất đối tượng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm….như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐỀ XUẤT ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VÀ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM….

(Ban hành kèm theo Văn bản số …ngày… của……)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7
I	**Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**						
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
II	**Hỗ trợ thiết bị đầu cuối**						
1	Loại thiết bị đầu cuối 1						
2	Loại thiết bị đầu cuối 2						
	Loại thiết bị đầu cuối …						
	Tổng cộng						

Mẫu số 06, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM** Số: …..…./……. V/v: Đề nghị phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ …….;

…….

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam báo cáo Bộ Khoa học và Công nghê phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình ….như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn……
(Ban hành kèm theo Văn bản số …ngày… của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Dự kiến kinh phí (triệu đồng)				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7	..	11	12	13
I	**Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
2	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
3	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
II	**Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										

	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
III	**Hỗ trợ thiết bị đầu cuối**										
1	Loại thiết bị đầu cuối 1 (theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
2	Loại thiết bị đầu cuối 2(theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
…	Loại thiết bị đầu cuối …										
IV	**Các nhiệm vụ khác**										
	Tổng cộng										

II. Thuyết minh kèm theo

Mẫu số 07, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày … tháng… năm .....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch thực hiện
Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ ….. …….

Xét đề nghị của …. (Cơ quan trình dự toán);

Theo đề nghị của ……. (Cơ quan thẩm định dự toán),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ....

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành Quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ...	**BỘ TRƯỞNG**

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM…
Giai đoạn……
(Ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-BKHCN ngày… của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7
I	**Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**						
1	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
2	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
3	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
II	**Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**						
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)						
	- Dịch vụ 1						
	- Dịch vụ 2						
	…						
III	**Hỗ trợ thiết bị đầu cuối**						
1	Loại thiết bị đầu cuối 1 (theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)						
2	Loại thiết bị đầu cuối 2(theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)						
	Loại thiết bị đầu cuối …						
IV	**Các nhiệm vụ hỗ trợ khác**						
	Tổng cộng						

Mẫu số 08, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM** Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng.... năm .....*
V/v: Đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình	

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ …….;

Căn cứ …….....;

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình ….như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn……
(Ban hành kèm theo Văn bản số …ngày… của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Kinh phí (triệu đồng)				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7	..	11	12	13
I	**Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
2	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
3	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
II	**Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Kinh phí (triệu đồng)				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7	..	11	12	13
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
III	**Hỗ trợ thiết bị đầu cuối**										
1	Loại thiết bị đầu cuối 1 (theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
2	Loại thiết bị đầu cuối 2(theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	Loại thiết bị đầu cuối …										
IV	**Các nhiệm vụ hỗ trợ khác**										
	Tổng cộng										

Thuyết minh kèm theo

Mẫu số 09, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày … tháng… năm .....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán kinh phí thực hiện
Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ ….. …….

.....

Theo đề nghị của …….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ....

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành Quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ...

BỘ TRƯỞNG

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn……
(Ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-BKHCN ngày… của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Kinh phí (triệu đồng)				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7	..	11	12	13
I	**Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
2	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
3	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
II	**Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**										
1	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng				Kinh phí (triệu đồng)				Ghi chú
			Năm..	…	Năm..	Tổng	Năm..	…	Năm..	Tổng	
A	B	C	1	..	5	6	7	..	11	12	13
2	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (theo phương thức đặt hàng/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	- Dịch vụ 1										
	- Dịch vụ 2										
	…										
III	**Hỗ trợ thiết bị đầu cuối**										
1	Loại thiết bị đầu cuối 1 (theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
2	Loại thiết bị đầu cuối 2(theo phương thức đấu thầu/giao nhiệm vụ/hỗ trợ trực tiếp)										
	Loại thiết bị đầu cuối …										
IV	**Các nhiệm vụ hỗ trợ khác**										
	Tổng cộng										

Mẫu số 10, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM** Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
V/v: Đề xuất điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình hằng năm	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số ..../20../NĐ-CP ngày.... tháng .... năm .... của Chính phủ ....;

Căn cứ Thông tư số …..ngày …/…./…. của Bộ Khoa học và Công nghệ ……..;

Căn cứ …….....;

…….

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán kinh phí/điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện chương trình ….năm …..như sau:

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo (nếu có)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11, Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-BKHCN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày … tháng… năm .....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ...
Năm…

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ ….. …….;

.....

Theo đề nghị của …….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch, dự toán thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích .... năm....

Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo (nếu có)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.

2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. (Tên các đơn vị thi hành Quyết định) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ...	**BỘ TRƯỞNG**

Mẫu số 01, Phụ lục XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH, HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
NĂM ……

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán số ……/QĐ-BKHCN ngày …. tháng …. năm ….. của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ……;

Căn cứ Hợp đồng đặt hàng số …. giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Doanh nghiệp …….. ;

Căn cứ biên bản nghiệm thu năm …..giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Doanh nghiệp ……

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã thực hiện năm …. như sau:

I. Tình hình kinh phí trong năm:

STT	**Doanh nghiệp**	**Giá trị theo Hợp đồng**	**Kinh phí năm trước chuyển sang (nếu có)**	**Kinh phí tạm ứng trong năm**	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**Kinh phí còn được thanh toán**	**Kinh phí tạm ứng còn lại chuyển sang năm sau (nếu có)**
A	B	1	2	3	4	5=2+3-4	6
1	*Doanh nghiệp A*						
2	*Doanh nghiệp B*						
3	*Doanh nghiệp C*						
4	…..						
5	…..						
	Tổng số						

II. Nội dung kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

STT	**Dịch vụ**	**Doanh nghiệp A**	**Doanh nghiệp B**	**Doanh nghiệp C**	**…**
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
I	**Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**				
1	Dịch vụ ….				
2	Dịch vụ ….				
….	….				

STT	Dịch vụ	Doanh nghiệp A	Doanh nghiệp B	Doanh nghiệp C	…
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
II	**Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**				
1	Dịch vụ ….				
2	Dịch vụ ….				
….	….				

III. Thuyết minh báo cáo:

1.Tình hình thực hiện cung ứng dịch vụ viễn thông công ích so với kế hoạch, dự toán

- Nguyên nhân tăng, giảm kinh phí so với số kế hoạch.

- Thuận lợi khó khăn trong quá trình cung ứng dịch vụ.

2. Kiến nghị:……

……..

III. Hồ sơ đính kèm báo cáo

1. Bảng kê chi tiết đính kèm Báo cáo quyết toán.

2. Kế hoạch, dự toán thực hiện chương trình được phê duyệt

3. Hợp đồng.

4. Biên bản nghiệm thu .

5. Các văn bản, hồ sơ khác (nếu có).

……, Ngày… tháng….. năm…..

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02, Phụ lục XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
Năm…..

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán số ……/QĐ-BKHCN ngày …. tháng …. năm …. của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ……;

Căn cứ Hợp đồng số ……. giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Doanh nghiệp …….. ;

Căn cứ biên bản nghiệm thu năm …. giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Doanh nghiệp …….;

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối năm …. như sau:

I. Giá trị hợp đồng

II. Kinh phí thực hiện đề nghị quyết toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí theo dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện	Kinh phí đề nghị quyết toán	So sánh	
					Tương đối	Tuyệt đối
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4 = 3/2*	*5 = 3-2*
1	Hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm ….					

II. Thuyết minh báo cáo:

1.Tình hình thực hiện so với kế hoạch, dự toán

- Nguyên nhân tăng, giảm kinh phí so với số kế hoạch, dự toán.

- Thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Kiến nghị:……

……..

III. Hồ sơ đính kèm báo cáo

1. Bảng kê chi tiết đính kèm Báo cáo quyết toán

2. Dự toán được phê duyệt của Bộ Khoa học và Công nghệ

3. Hợp đồng đặt hàng

4. Biên bản nghiệm thu

5. Các văn bản, hồ sơ khác (nếu có).

……, Ngày… tháng….. năm…..

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01

BÁO CÁO CHI TIẾT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Hợp đồng số:

Nhà thầu:

STT	**Tỉnh, Thành phố**	**Kế hoạch**		**Thực hiện**		**Ghi chú**
		Sản lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Sản lượng	Kinh phí (triệu đồng)	
1	Tỉnh A					
2	Tỉnh B					
3	Tỉnh C					
4	Tỉnh …					
	Tổng cộng					

(Kèm theo danh sách hộ gia đình đã nhận hỗ trợ thiết bị).

……, Ngày… tháng….. năm…….

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 02
THUYẾT MINH CHI TIẾT QUYẾT TOÁN
KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI
Năm 202…..

STT	Doanh nghiệp	Kế hoạch/Dự toán		Kinh phí thực hiện		Ghi chú
		Sản lượng (thiết bị)	Kinh phí (đồng)	Sản lượng (thiết bị)	Kinh phí (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*5*	*6*	*9*
1	Doanh nghiệp A					
2	Doanh nghiệp B					
…						
…						
Tổng cộng						

(Kèm theo danh sách hộ gia đình đã nhận hỗ trợ trang thiết bị).

……, ngày….tháng….. năm…..

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03, Phụ lục XII
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*Hà Nội, ngày ….. tháng … năm 202…*

THÔNG BÁO
XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
NĂM …

Đơn vị được thông báo: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ Thông tư số …… của Bộ Khoa học và Công nghệ ……;

Xét báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm.... của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo quyết toán số kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm …. của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số dư kinh phí kỳ trước chuyển sang:….
2. Số kinh phí sử dụng trong kỳ:…..
3. Số kinh phí sử dụng được phê duyệt quyết toán:…..
4. Số kinh phí được chuyển sang kỳ sau:…..

II. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán
- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị
- Về chấp hành các quy định của Nhà nước
- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính

2. Kiến nghị:

…….

Nơi nhận:
- Đơn vị được xét duyệt quyết toán;
- Các đơn vị liên quan:
- Lưu: VT, nơi phát hành.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, KHTC.